

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NGÀ

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN
CỦA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2016

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ NGÀ

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN
CỦA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 60 38 01 05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA**

HÀ NỘI – 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM.....	8
1.1. Khái niệm và ý nghĩa nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em.....	8
1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em	11
1.3. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em	15
1.4. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em với tình hình tội hiếp dâm trẻ em, nhân thân người phạm tội và phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em.....	19
Chương 2: THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC	24
2.1. Thực trạng nhận thức và làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước	24
2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước	26
Chương 3: NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC	59
3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trong phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước	59
3.2. Dự báo tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên cơ sở nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em và trên địa bàn tỉnh Bình Phước	63
3.3. Giải pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em để phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước	65
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	81
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
Bộ LĐ-TB&XH	: Bộ lao động thương binh và xã hội.
CQĐT	: Cơ quan điều tra
TAND	: Tòa án nhân dân
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
UBND	: Ủy ban nhân dân
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 2.1. Thống kê số vụ và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015

Bảng 2.2. Số vụ, số bị cáo phạm tội hiếp dâm trẻ em so với số vụ, số bị cáo phạm tội nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 -2015

Bảng 2.3. Thống kê tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015 xét theo đơn vị hành chính huyện, thị xã.

Bảng 2.4. Thống kê độ tuổi của người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

Bảng 2.5. Thống kê đặc điểm nơi cư trú của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

Bảng 2.6. Thống kê trình độ học vấn của người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

Bảng 2.7. Thống kê nghề nghiệp của người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015

Bảng 2.8. Thống kê mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015

Bảng 2.9. Thống kê hình thức xử lý đối với người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011- 2015

Bảng 2.10. Thống kê độ tuổi của người bị hiếp hại trong các vụ án dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

Bảng 2.11. Thống kê thời gian phạm tội trong các vụ án hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015

Bảng 2.12. Thống kê địa điểm gây án trong các vụ án hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015

Bảng 2.13. Thống kê kết quả khảo sát điều tra xã hội học về nhận thức nguyên nhân và điều kiện của tội iếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là nước đầu tiên ở Châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước về Quyền trẻ em, vào ngày 20/2/1990. Điều 34 Công ước quy định: “các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em chống tất cả các hình thức bóc lột tình dục và lạm dụng tình dục. Vì mục đích này, các quốc gia thành viên phải đặc biệt thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp ở cấp quốc gia, song phương và đa phương để ngăn ngừa.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, cùng với sự phát triển không ngừng của kinh tế - xã hội, quyền con người ở nước ta ngày càng được tôn trọng và đảm bảo. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, nền kinh tế thị trường cũng có mặt trái của nó, gây ảnh hưởng tiêu cực làm nảy sinh nhiều vấn đề trong đó có các vấn đề về dân số, việc làm, tệ nạn xã hội, tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội hiếp dâm trẻ em nói riêng.

Loại tội phạm này không chỉ xâm hại đến sự phát triển bình thường, lành mạnh của trẻ em, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tâm, sinh lý của trẻ về lâu dài, làm tổn thương tinh thần trẻ em cũng như gia đình của trẻ, nhiều vụ án gây phẫn nộ, gây bức xúc, nhức nhối trong dư luận: việc xâm hại tình dục trẻ em không chỉ diễn ra trong cộng đồng hay tại nơi làm việc mà còn diễn ra ngay chính tại gia đình. Đối tượng hiếp dâm trẻ thuộc nhiều thành phần, lứa tuổi: người quen, người lạ, người thân trong gia đình (cha đẻ, cha dượng, chú, anh trai,...). Tính chất của các vụ hiếp dâm trẻ em đã đến mức nghiêm trọng, báo động về sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận dân cư, ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự văn hóa - xã hội trong cộng đồng. Việc đấu tranh phòng, chống của các cấp, các ngành tư pháp đối với loại tội phạm này ngày càng được nâng cao song vẫn không tránh khỏi những khó khăn khi thực tiễn áp dụng pháp luật còn gặp nhiều vướng mắc. Việc hạn chế, thiếu sót trong quy định của pháp luật hình sự cũng như những vướng mắc khi áp dụng pháp luật trong

thực tiễn đã gây không ít trở ngại cho các cơ quan tư pháp kịp thời bảo vệ những đối tượng là trẻ em.

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có biên giới giáp với Campuchia, là cửa ngõ, cầu nối vùng Đông Nam bộ với vùng Tây Nguyên và Campuchia. Tỉnh có 07 huyện, 03 thị xã và 111 xã, phường, thị trấn (trong đó có 03 huyện, 15 xã biên giới). Người dân từ các tỉnh trong toàn quốc đến Bình Phước để làm ăn, sinh sống nhiều và đang có chiều hướng gia tăng do đó tình hình di dân tự do diễn biến phức tạp. Trên địa bàn tỉnh có 41 dân tộc cùng sinh sống, dân tộc thiểu số chiếm gần 19,7% dân số của tỉnh. Mỗi dân tộc có nền văn hóa truyền thống, ngôn ngữ, phong tục, tập quán riêng.

Tình hình, đặc điểm trên có sự tác động nhất định đến diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội hiếp dâm trẻ em nói riêng trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua. Chỉ tính riêng từ năm 2011 đến năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xét xử 73 vụ/77 bị cáo (chiếm 32,1% trong tổng số các vụ án và 32,9% các bị cáo đã xét xử các tội xâm phạm tình dục trẻ em).

Nhiều vụ án được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh. Tuy nhiên, để có được một kết luận rõ ràng và toàn diện hơn về nguyên nhân và điều kiện cũng như đề ra các giải pháp phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước một cách có hiệu quả thì không thể chỉ căn cứ vào các con số thống kê mà cần có hoạt động nghiên cứu một cách khoa học, dưới góc độ tội phạm học đầy đủ và nghiêm túc.

Xuất phát từ những luận cứ trên, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu đề tài *“Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước”* làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ Luật học, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Mã số: 60.38.01.05.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tình hình xâm hại trẻ em nói chung và xâm hại tình dục trẻ em nói riêng ở Việt Nam trong những năm vừa qua vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Theo số liệu do Bộ LĐ-TB&XH công bố, trong 5 năm (2011 - 2015), cả nước phát hiện trên 8.200 vụ xâm hại trẻ em, với gần 10.000 nạn nhân, tăng 258 nạn nhân so với 5 năm trước đó. Số vụ xâm hại tình dục chiếm tới 5.300 vụ (khoảng 65%). Chính phủ đã ra Nghị quyết số 9-1998-NQ/CP về việc tăng cường và phòng chống tội phạm trong tình hình mới và phê duyệt Chương trình Quốc gia về phòng chống tội phạm. Một trong những nội dung quan trọng của Chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm được đề cập là đề án “*Phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên*” mà Bộ Công an được giao nhiệm vụ chính trong việc chủ trì, phối hợp hoạt động giữa các cấp, các ngành. Ngày 16-3-2000, Bộ Công an đã có Kế hoạch số 323/BCA để triển khai công tác thực hiện Nghị quyết số 09/1998-NQ/CP và Đề án 04 của Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ củng cố các lực lượng nghiệp vụ trực tiếp phòng ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên; phối hợp với các ngành nội chính điều tra, truy tố, xét xử kịp thời các đối tượng phạm tội loại này; đề xuất chủ trương, biện pháp đấu tranh phù hợp trong công tác phòng, chống lại các loại tội phạm này.

Trong thời gian vừa qua, vấn đề phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em đã được nghiên cứu trong một số công trình khoa học như: luận văn Thạc sĩ Luật học với các đề tài liên quan đến đấu tranh phòng chống tội “hiếp dâm trẻ em” của các tác giả ở một số tỉnh, thành trong cả nước - các giai đoạn trước 2015 như: luận văn Thạc sĩ Luật học với các đề tài “*Đấu tranh phòng chống tội Hiếp dâm trẻ em ở Việt Nam và Thụy Điển*” của tác giả Đặng Mai Dung (2006); luận văn Thạc sĩ Luật học “*Đấu tranh phòng, chống tội Hiếp dâm trẻ em trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*” của tác giả Nguyễn Minh Nhật (2009); “*Đấu tranh phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*” của tác giả Trần Văn Thường (2012); “*Tội hiếp dâm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực*

tiền thành phố Hồ Chí Minh” của tác giả Lê Văn Hùng (năm 2013), đề tài “Tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Vũ Thanh Tâm (2012) và một số công trình khoa học, bài viết, bài nghiên cứu khác.

Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận cũng như tình hình và những giải pháp phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em với khía cạnh tiếp cận, thời gian và địa bàn nghiên cứu khác nhau. Vì vậy, tác giả luận văn kế thừa các kiến thức cơ bản của tội phạm học ở những công trình nghiên cứu trước và cách tiếp cận trong việc nghiên cứu phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em ở Tỉnh Bình Phước chưa có công trình nghiên cứu một cách hệ thống, vì vậy tác giả thực hiện đề tài “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu luận văn là xác định, làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, qua đó đề xuất các giải pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm để phòng ngừa có hiệu quả hơn đối với tội phạm này trong những năm tiếp theo.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận văn thực hiện những nhiệm vụ sau:

Nghiên cứu sáng tạo, bao gồm:

+ Khái quát những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em.

+ Khái quát ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em.

+ Nghiên cứu, phân tích thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em từ năm 2011 - 2015.

+ Từ những thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em đề xuất các giải pháp phòng ngừa có hiệu quả tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015.

-Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung: Luận văn nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em nhằm để phòng ngừa tội phạm.

Về không gian và thời gian: luận văn nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian 05 năm (từ năm 2011 - đến năm 2015).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

Luận văn vận dụng phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về tội phạm, về phòng ngừa tội phạm làm phương pháp luận để nghiên cứu đề tài.

Ngoài ra, luận văn sử dụng các phương pháp cụ thể:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng trong toàn bộ luận văn nhằm làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em.

- Phương pháp thống kê: sử dụng trong thống kê số liệu của luận văn (phần phụ lục) nhằm khái quát tình hình chung của tội hiếp dâm trẻ em thông qua các cơ cấu (theo độ tuổi, học vấn, nghề nghiệp...).

- Phương pháp so sánh: sử dụng trong toàn bộ luận văn. Đối chiếu những nguyên nhân và điều kiện nào là quan trọng, hàng đầu cần phải ngăn chặn, từ đó đề ra các giải pháp phòng ngừa phù hợp, hiệu quả.

- Phương pháp lịch sử: Có trong toàn bộ luận văn, thể hiện sự kế thừa của luận văn, phát huy sáng tạo có chọn lọc.

- Phương pháp nghiên cứu bản án: nghiên cứu đầy đủ 73 bản án điển hình là những vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, nghiên cứu xem nguyên nhân và điều kiện được thể hiện trong bản án như thế nào nhằm làm rõ thực trạng nhận thức và làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em (Chương 2).

- Phương pháp điều tra xã hội học: tác giả thực hiện việc khảo sát trên 100 người bằng các phiếu khảo sát có các câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi mở. Nhằm làm rõ thêm nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em (Chương 2).

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em một cách khoa học và hiệu quả hơn. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm rõ hơn lý luận tội phạm học về phòng ngừa tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài đã làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, từ đó đề ra các giải pháp phòng ngừa phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Do vậy, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể giúp cá nhân, cơ quan, tổ chức tham khảo để vận dụng vào việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao trình độ nhận thức cho quần chúng nhân dân và vận dụng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian tới.

7. Cơ cấu của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn gồm có 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lí luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em.

Chương 2: Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

Chương 3: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em và những vấn đề đặt ra đối với giải pháp phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM

1.1. Khái niệm và ý nghĩa nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em

1.1.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm chính là việc nghiên cứu quy luật phát sinh và tồn tại tội phạm. Nội dung này thuộc về đối tượng nghiên cứu của tội phạm học. Với tư tưởng, tội phạm học Việt nam cũng như các khoa học pháp lý hình sự khác, không có lý luận riêng về quan hệ nhân - quả, mà chỉ cụ thể hóa nội dung cặp phạm trù nhân - quả của triết học Mác- xít vào lĩnh vực nghiên cứu của mình và theo đó những khái niệm của cặp phạm trù này được hiểu và vận dụng trong tội phạm học.

Khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nguyên nhân được hiểu là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, các hiện tượng với nhau gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Như vậy, về bản chất, nguyên nhân không phải là hiện tượng hay sự vật nào đó, mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại. Không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân. Và để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó như tình hình tội phạm chẳng hạn, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định. Điều kiện tuy không sản sinh ra kết quả, song tạo thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả. Vậy là, về bản chất, điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định [29, tr. 308].

Trong mối quan hệ nhân - quả (nguyên nhân - điều kiện - kết quả) thì quả trong tội phạm học chỉ có thể là hiện tượng (tình hình tội phạm) hoặc hành vi phạm tội.

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình.[42, tr. 84].

Khi đề cập đến nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung , GS.TS Võ Khánh Vinh cho rằng: “ nguyên nhân của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực ở trong mối liên hệ tương tác hai mức độ sinh ra và tái sản xuất ra tình hình tội phạm như là hậu quả tất yếu của mình. Điều kiện của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực, tự mình không sinh ra tình hình tội phạm và các tội phạm, mà là hỗ trợ, làm dễ dàng và tăng cường cho sự hình thành và hoạt động của các nguyên nhân” [44, tr. 87].

Như vậy điều kiện của tình hình tội phạm đó là những hiện tượng, sự kiện, tình huống...không tự mình sinh ra tình hình tội phạm mà hỗ trợ, thúc đẩy phát sinh tình hình tội phạm. Ví dụ: đó là những khiếm khuyết, thiếu sót trong hoạt động kinh tế của các khâu quản lí cụ thể...

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm dưới góc độ Mác - xít được hiểu là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực của môi trường sống bên ngoài với các yếu tố tâm - sinh lý tiêu cực bên trong cá nhân con người cùng với yếu tố tình huống nhất thời thuận lợi đã dẫn đến việc thực hiện một hành vi (hành động và không hành động) mà luật hình sự quy định là tội phạm. Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm mang lại kết quả khi làm rõ được các hiện tượng, các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm, tức là tìm ra hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm [27, tr.204].

Ở phạm vi luận văn, khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước là đi sâu làm rõ các yếu tố tiêu cực thuộc về môi trường sống bên ngoài và yếu tố tâm - sinh lý tiêu cực bên trong thuộc về chủ thể thực hiện hành vi phạm tội trong sự tương tác lẫn nhau quyết định sự hình thành động cơ và sự quyết tâm thực hiện tội phạm, để rút ra những điểm chung có tính quy luật phản ánh rõ mối quan hệ giữa môi trường sống và cá nhân người phạm tội, với tình hình tội phạm. Như vậy phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em thực chất là đấu tranh loại trừ các nguyên nhân và điều kiện tồn tại trong cơ chế hành vi này.

Tội hiếp dâm trẻ em trước khi được quy định là một tội phạm cụ thể trong BLHS năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1997), thì hành vi hiếp dâm trẻ em được quy định là cấu thành tăng nặng hình phạt đối với người phạm tội hiếp dâm, nghĩa là mọi trường hợp giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi được xem là phạm tội hiếp dâm. Tuy nhiên, do tính nguy hiểm của tội hiếp dâm trẻ em là đặc biệt nghiêm trọng, vì thế nhà làm luật đã bổ sung, sửa đổi từ Điều 112 (Tội hiếp dâm) thành Điều 111 (Tội hiếp dâm) và Điều 112 (Tội hiếp dâm trẻ em). Ngày 27-11- 2015 kỳ họp thứ mười, Quốc hội khóa 13 đã biểu quyết thông qua BLHS (sửa đổi) Điều 112 (Tội hiếp dâm trẻ em) thành Điều 142 (Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi) về nhận thức, tội hiếp dâm trẻ em là hành vi nguy hiểm cho xã hội được pháp luật hình sự quy định, do người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do về thể chất và tư duy, quyền và lợi ích hợp pháp khác của trẻ em.

1.1.2. Ý nghĩa nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội một cách phù hợp giảm thiểu các mâu thuẫn xã hội là nguyên nhân làm phát sinh tình hình tội

phạmhiếp dâm trẻ em nói riêng và tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em sẽ góp phần hoàn thiện các văn bản pháp luật cũng như chính sách hình sự, chính sách xã hội để loại trừ dần các yếu tố làm phát sinh tội phạm.

Khi làm sáng tỏ các nguyên nhân và điều kiện sẽ giúp các cơ quan chức năng chủ động hơn(có kế hoạch dự liệu từ trước), có biện pháp tiến hành hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạmhiệu quả hơn. Mục đích là ngăn chặn các yếu tố, điều kiện có thể làm phát sinh tội phạm, không để các yếu tố có nguy cơ phát triển chứ không phải là bị động trong việc loại trừ các nguyên nhân và điều kiện đã xảy ra và phát triển rồi khắc phục chúng. Như vậy, việc nghiên cứu các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em suy cho cùng nhằm mục đích là soạn thảo và sau đó là thực hiện các biện pháp được lập luận về mặt khoa học có khả năng tạo điều kiện cho việc đấu tranh có kết quả với các hiện tượng xã hội tiêu cực, làm giảm, hạn chế tính phổ biến của chúng và cuối cùng từng bước khắc phục chúng.

1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là để chỉ ra cho được toàn bộ các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm. Từ đó có những biện pháp cụ thể phù hợp tác động vào các yếu tố đó nhằm mục đích ngăn chặn, hạn chế và loại bỏ chúng - phòng ngừa tình hình tội phạm có hiệu quả.

Căn cứ vào mức độ tác động

Căn cứ vào mức độ tác động của các ảnh hưởng, quá trình xã hội, nguyên nhân và điều kiện của tình trạng tội phạm còn được phân chia thành các loại sau đây:

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung; nguyên nhân và điều kiện của các loại tội phạm nhất định; nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể...

Sự phân chia nguyên nhân và điều kiện nói trên là xuất phát từ cái nhìn biện chứng về tính độc lập và tính liên quan giữa cái chung và cái riêng và cái đặc thù của các quá trình xã hội. Việc phân chia này còn giúp cho việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm một cách chính xác, chặt chẽ logic. Mặt khác, việc phân chia này còn giúp chúng ta hoạch định các hoạt động phòng ngừa tội phạm một cách có kết quả.

Căn cứ vào nội dung của tác động

Các nguyên nhân và điều kiện được phân thành các nguyên nhân và điều kiện tồn tại trong lĩnh vực kinh tế- xã hội; tâm lý xã hội; văn hóa, giáo dục; tổ chức - quản lý xã hội.

Nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội là: những mâu thuẫn, bất hợp lý trong đời sống kinh tế - xã hội tác động làm phát sinh tình hình tội phạm. Đặc biệt, nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội là nguyên nhân cơ bản làm phát sinh, tồn tại một số loại tội phạm nhất định ví dụ: tội xâm phạm sở hữu, tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Nguyên nhân và điều kiện về văn hóa, giáo dục: thể hiện sự xung đột và mâu thuẫn của các loại trào lưu, giá trị văn hóa, phong tục tập quán, thói quen sở thích và thị hiếu của một bộ phận dân cư không phù hợp với chuẩn mực xã hội hiện đại, hạn chế trong quá trình quản lý, triển khai thực hiện các chính sách chương trình về văn hóa, giáo dục có thể tác động ảnh hưởng làm phát sinh tội hiếp dâm trẻ em.

Nguyên nhân và điều kiện về tổ chức, quản lý xã hội: phát sinh chủ yếu từ những sai sót, yếu kém, mâu thuẫn trong hoạt động quản lý như: thiếu chặt chẽ,

buông lỏng quản lý, đùn đẩy trách nhiệm, không cùng nhau hợp tác trong giải quyết các vụ việc liên quan...

Nguyên nhân và điều kiện thuộc về pháp luật và công tác phòng chống tội phạm: Pháp luật chưa đồng bộ, thống nhất, chủ thể có thẩm quyền xử lý tội phạm chưa nghiêm khắc, chưa kịp thời như: chưa giải quyết kịp thời những bức xúc của dư luận xã hội hoặc xử lý chưa nghiêm, chưa kiên quyết triệt để trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội hiếp dâm trẻ em nói riêng thông qua một số vụ án xảy ra, chưa làm tròn nhiệm vụ trong việc giữ ổn định trật tự trị an tại địa phương, bảo vệ sự bình yên cho người dân dẫn đến tình trạng một số đối tượng coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người khác là một trong những điều kiện phát sinh tội hiếp dâm trẻ em.

Các hiện tượng tâm lý - xã hội như nạn nghiện rượu còn tồn tại trong môi trường của những cộng đồng và các cá nhân nhất định; tính háms lợi, tham lam; tính ăn bám; tính thiếu trách nhiệm và tính bê tha, trụy lạc... là những hiện tượng sản sinh ra tình hình tội phạm và các tội phạm như là hậu quả của mình.

Nhiều hiện tượng kinh tế, tư tưởng và những hiện tượng xã hội tiêu cực khác, theo bản chất hình thành nên các nguyên nhân tâm lý - xã hội của tình hình tội phạm và các tội phạm không chỉ nằm trong quá khứ lịch sử mà có cả thời gian hiện nay, tiếp tục tồn tại và hoạt động, ảnh hưởng đến tình hình tội phạm, tạo điều kiện cho sự hình thành và hoạt động của các nguyên nhân tâm lý - xã hội của tình hình tội phạm. Là một khâu của mắt xích nhân quả, tồn tại trước các nguyên nhân của tình hình tội phạm. Các hiện tượng kinh tế, tư tưởng và những hiện tượng xã hội tiêu cực khác ở trong phạm vi mối liên hệ hai khâu (nguyên nhân và điều kiện – tình hình tội phạm) hoạt động với tính cách là các điều kiện. [44, tr.92].

Căn cứ theo nguồn gốc hình thành

Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được phân thành các nguyên nhân và điều kiện bên trong và các nguyên nhân và điều kiện ở bên ngoài. Các nguyên nhân và điều kiện bên trong của tình hình tội phạm gắn liền với các mâu thuẫn bên trong của xã hội, đến từ phía các chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm, từ nội tại của các quốc gia nơi có tình hình tội phạm tồn tại, còn các nguyên nhân và điều kiện bên ngoài gắn với sự ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài.

Căn cứ vào dấu hiệu khách quan, chủ quan

Trong tội phạm học, việc phân chia các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm theo dấu hiệu khách quan và chủ quan là bắt nguồn từ những quy luật cơ bản của sự phát triển xã hội. Việc khắc phục các nguyên nhân và điều kiện này tùy thuộc vào chế độ xã hội mà giai cấp thống trị lựa chọn. Các nguyên nhân và điều kiện khách quan thuộc về môi trường sống bên ngoài: nguyên nhân về kinh tế - xã hội. Ví dụ như thất nghiệp, đói nghèo, quá trình đô thị và công nghiệp hóa... Những thiếu sót, bất cập trong hoạt động một số cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý trong một số lĩnh vực nhất định (quản lý nhà nghỉ, khách sạn, quán cafe, karaoke... các loại hình trò chơi, văn hóa, mạng internet...); Hạn chế trong tổ chức quản lý, triển khai thực hiện các chính sách, chương trình về văn hóa, giáo dục có thể tác động, ảnh hưởng làm phát sinh tội hiếp dâm trẻ em. Những thiếu sót trong công tác giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội; Môi trường tiêu cực có nhiều tệ nạn xã hội: tệ nạn ma túy, mại dâm...; Nguyên nhân thuộc về công tác phát hiện xử lý hành vi phạm tội như: chưa kịp thời, chưa kiên quyết triệt để dẫn đến một số đối tượng coi thường pháp luật, xem thường trật tự xã hội, tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản của người khác dẫn đến tội phạm; Xuất phát từ pháp luật: quy định pháp luật chưa thật sự rõ ràng, đầy đủ, thiếu thống nhất.

Nguyên nhân và điều kiện chủ quan thuộc về chủ thể thực hiện hành vi phạm tội (sự sai lệch ý thức cá nhân; nhân thân người phạm tội...) có thể tác động, ảnh hưởng đến cá nhân ở mức độ nhất định từ đó làm phát sinh tội hiếp dâm trẻ em.

Những nhân tố tiêu cực này có thể là do yếu tố thuộc về sinh học, tâm lý, nghề nghiệp, trình độ nhận thức...của người phạm tội.

Nguyên nhân từ những yếu tố tiêu cực của nạn nhân như sự đua đòi, sống buông thả (nữ giới), sự quản lý, giáo dục con cái lỏng lẻo của gia đình kết hợp với động cơ thỏa mãn sinh lý, ham muốn dục vọng của nam giới thúc đẩy người phạm tội thực hiện tội phạm (đối với các tội xâm phạm tình dục).

1.3. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Khái niệm cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Tội phạm, như mọi hành vi khác của con người suy cho cùng là kết quả của sự tác động lẫn nhau của cá nhân và hoàn cảnh khách quan bên ngoài. Trong sự quyết định thực hiện tội phạm được thông qua và được thực hiện trong thực tế. Do vậy, một mặt các nguyên nhân trực tiếp của việc thực hiện tội phạm cụ thể thể hiện các đặc điểm về các nhu cầu, lợi ích, quan điểm, quan hệ, hệ thống các định hướng và tính động cơ của cá nhân đó, và mặt khác thể hiện ở tổng thể các hoàn cảnh bên ngoài quyết định sự hình thành động cơ và sự quyết tâm thực hiện tội phạm. Ở đó các nguyên nhân tác động lẫn nhau với các điều kiện và sự tác động đó hỗ trợ cho việc xuất hiện và thực hiện và thực hiện quyết định đó. Hay nói một cách khác cả nguyên nhân và điều kiện bằng những tác động khác nhau của mình tham gia vào quá trình hình thành các đặc điểm tâm lý - đặc điểm của cá nhân quyết định động cơ và sự quyết tâm thực hiện tội phạm, cũng như quyết định các tình huống trong đó cá nhân hoạt động. [42, tr. 107].

Những điều kiện, những yếu tố của môi trường bên ngoài hay những quá trình tâm lý bên trong con người, dù ở mức độ bất lợi và xấu như thế nào đi chăng nữa, tự nó đều không phải là nguyên nhân và điều kiện của hành vi phạm tội cụ thể,

mà phải là sự tương tác, kết hợp của cả hai loại yếu tố đó mới trở thành nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể [42, tr. 109].

Việc phân tích cơ chế của hành vi phạm tội là một khía cạnh quan trọng của việc nghiên cứu hành vi đó.

Cơ chế hành vi phạm tội là quá trình vận hành trong thế tự nhiên vốn có của sự tương tác giữa các yếu tố thuộc môi trường bên ngoài và các yếu tố tâm - sinh lý bên trong cá nhân con người tạo nên hành động hoặc không hành động bị luật hình sự quy định là tội phạm. Cơ chế hành vi phạm tội có cấu trúc (S, X và R) và vận hành theo nguyên lý quyết định luận biện chứng [Phạm Văn Tinh, tr 01-Trang Thuật ngữ]. Trong đó S là kích thích khách thể; X là kích thích phương tiện, giữ vai trò của khâu trung gian, đó là hoạt động sinh lý với tính cách là “ các điều kiện bên trong”; còn R là hành vi trả lời các kích thích - khách thể.

Nội dung cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Bất kỳ hành vi xã hội nào cũng là hình thức tác động lẫn nhau của con người với những người khác, với môi trường bên ngoài. Thực chất hành vi phạm tội cũng được hình thành và được thực hiện trong sự tác động lẫn nhau của các nhân tố bên ngoài và các nhân tố cá nhân bên trong. Cơ chế hành vi phạm tội, thực chất gắn cá nhân với môi trường bên ngoài thành một khối, bởi vậy muốn có được sự nhận thức và phân tích sâu sắc về nó phải xem xét cơ chế đó trong mối liên hệ và ở sự tiếp giáp của các hiện tượng đó.

Ý nghĩa cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Về mặt lí luận nó làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân thân người phạm tội và những mặt môi trường bên ngoài là nguyên nhân và điều kiện hỗ trợ cho việc thực hiện tội phạm.

Về mặt thực tiễn nó giúp cho việc xác định các biện pháp có khả năng phòng ngừa các tội phạm, thay đổi định hướng của cá nhân người phạm tội.

Việc làm sáng tỏ các loại cơ chế của hành vi phạm tội nói trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác phòng ngừa tội phạm và khắc phục các nguyên nhân sinh ra nó.

Các điều kiện tác động đến sự hình thành những sai lệch trong nhân cách của cá nhân

Sự biến dạng trong quan điểm của cá nhân được hình thành do những ảnh hưởng của những nhân tố tiêu cực trong môi trường của hoạt động sống bao giờ cũng có trong cơ chế của hành vi phạm tội của cá nhân. Động lực thúc đẩy trực tiếp của hành vi phạm tội là chính tính động cơ và nhu cầu cần thiết đã được thể hiện, trung chuyển vào trong hoạt động cụ thể và mục đích đối tượng.

Nhiều đặc điểm trong tính cách cá nhân (nhân thân người phạm tội) được hình thành trong gia đình - Những nhân tố trong môi trường gia đình tác động đến sự hình thành những biến dạng của cá nhân: bầu không khí xung đột, sự căng thẳng thường xuyên, tính tội ác trong quan hệ, những cãi cọ om sòm, sự đối xử tàn tệ...; sự không tôn trọng đối với các giá trị đạo đức: lòng lương thiện, tinh thần giúp đỡ đồng chí, không vụ lợi; Nhu cầu văn hóa thấp...

Những nhân tố tiêu cực trong lĩnh vực lối sống, nghỉ ngơi, giao tiếp ảnh hưởng đến sự hình thành những sai lệch trong nhân cách cá nhân người phạm tội: những hành vi say rượu; những hành vi phi đạo đức trong lĩnh vực tình dục, tính thiếu trung thực đối với các hành vi phạm tội và hành vi vi phạm pháp luật...

Những hoạt động tư tưởng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng có tác động ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đến sự hình thành nhân cách cá nhân. Đó là những đạo đức, lối sống, thói quen như: tính thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, sự tàn nhẫn, sự mất đạo đức về tình dục, sự sùng bái lối sống tự do của phương

Tây...Những thiếu sót trong hoạt động giao lưu văn hóa, trong việc hội nhập một số phim ảnh nước ngoài, đặc biệt là từ các nước tư bản cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự hình thành những sai lệch trong nhân cách của cá nhân.

Những yếu tố cấu thành nên tình huống đó là: các nhóm hoàn cảnh xác định tội phạm về thời gian, địa điểm, nhóm những người tham gia; các đặc điểm về thể chất của người phạm tội, về vật thể, về các đối tượng khác của hành vi phạm tội; các điều kiện trong đó những người và vật thể đó đang tồn tại và các điều kiện làm giảm sự mạo hiểm đối với người phạm tội.

Ở đây vai trò của những người bị hại có thể gắn: bởi thái độ thiếu thận trọng, vô ý, tự tin đối với sự an ninh (an toàn) của cá nhân mình, danh dự, nhân phẩm, sự bảo vệ tài sản của mình; Việc không muốn thông báo cho các cơ quan bảo vệ pháp luật về các hành vi phạm tội đã xâm phạm mình; Với hành vi khiêu khích... Một số hành vi đặc thù đó của những người bị hại tạo điều kiện, hỗ trợ cho việc phát triển tình huống phạm tội.

Việc nghiên cứu các đặc điểm của nạn nhân không phải vì mục đích tự thân, mà là làm cơ sở cho việc soạn thảo các kiến nghị phòng ngừa.

Hành vi phạm tội là một quá trình diễn ra theo thời gian và không gian hàm chứa những hành động khách quan bên ngoài tạo nên cấu thành tội phạm và các hiện tượng, các quá trình tâm lý xảy ra trước đó quy định việc thực hiện tội phạm. Sự vận hành của hành vi phạm tội chính là cơ chế. Sự vận hành của hành vi phạm tội chính là cơ chế. Đó là một kết cấu hay cấu trúc quy định những trật tự của một loạt hành động nào đó (phạm tội) và cụ thể, nó gồm ba quá trình cơ bản: Động cơ hóa hành động; Ấn định kế hoạch hành động; Thực hiện hành động và nảy sinh hậu quả nguy hiểm cho xã hội. [19, tr. 19].

Cơ chế hành vi phạm tội hiệp tâm trẻ em được hiểu là một hiện tượng động, là sự tác động lẫn nhau nhất định trong các yếu tố cấu thành nó. Các yếu tố cá nhân

bên trong của cơ chế hành vi phạm tội là những quá trình và trạng thái tâm lý được xem xét trong trạng thái động, không tách rời mà là ở trong sự tác động lẫn nhau với các nhân tố của môi trường bên ngoài quyết định hành vi đó. Chính sự tác động qua lại giữa các yếu tố xã hội này là cơ sở xác định hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình tội hiếp dâm trẻ em.

1.4. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em với tình hình tội hiếp dâm trẻ em, nhân thân người phạm tội và phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em

1.4.1. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em với tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Mối quan hệ giữa tình hình tội phạm và hành vi phạm tội là mối quan hệ biện chứng của cặp phạm trù “chung - riêng” theo đúng nghĩa triết học Mác - Lê nin. Vì thế, quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và nguyên nhân và điều kiện của hành vi phạm tội hiếp dâm trẻ em cũng là một cặp phạm trù. Đó là cặp phạm trù “ nhân - quả”.

Bất kỳ nguyên nhân nào cũng có nguyên nhân của mình và bất kỳ hậu quả nào, đến lượt mình sinh ra các hậu quả khác. Dây chuyền mối quan hệ nhân quả không chỉ là một. Cùng một hậu quả có thể do nhiều nguyên nhân tác động đồng thời gây ra.

Sự tác động lẫn nhau nguyên nhân-kết quả tùy thuộc vào điều kiện. Điều kiện là tổng thể các hiện tượng, tình tiết tạo môi trường, bảo đảm sự phát triển và xuất hiện hậu quả. Nguyên nhân sinh ra hậu quả, còn điều kiện không thể sinh ra hậu quả mà tạo điều kiện, bảo đảm cho hậu quả xảy ra, nhưng cả nguyên nhân và điều kiện là những yếu tố của một hệ thống tác động thống nhất làm sinh ra hậu quả.

Mối quan hệ giữa hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em với tình hình tội hiếp dâm trẻ em là mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả. Tình hình tội hiếp dâm trẻ em là hiện tượng tâm - sinh lý - xã hội tiêu cực, mang tính lịch sử (cụ thể) và tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp và được biểu hiện bằng tổng thể các hành vi phạm tội hiếp dâm trẻ em đã xảy ra cùng các chủ thể thực hiện hành vi đó.

Tình hình tội hiếp dâm trẻ em mang đầy đủ những đặc điểm chung của các khách thể (đối tượng nghiên cứu) của tội phạm học là tình hình tội phạm. Tình hình tội phạm là tổng thể các hành vi phạm tội gắn với thời gian và không gian xác định, biểu hiện qua các thông số: mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất của nó. Là những đặc điểm định tính và định lượng của tình hình tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng.

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em là cái sinh ra kết quả tức là sinh ra tình hình tội phạm. Do vậy nguyên nhân và điều kiện luôn luôn có trước tình hình tội phạm, tình hình tội phạm xuất hiện sau khi có nguyên nhân và điều kiện xuất hiện và bắt đầu có sự tương tác.

Tình hình tội phạm là cơ sở khách quan để nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội hiếp dâm trẻ em nói riêng. Vì bản chất cuối cùng của tình hình tội phạm là bản chất phản ánh: phản ánh tiêu cực của đời sống xã hội (tiêu cực thuộc môi trường xã hội, tiêu cực của con người).

1.4.2. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em với nhân thân người phạm tội hiếp dâm trẻ em

Phân tích các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em chỉ ra rằng không thể nhận thức, hiểu biết được các nguyên nhân và điều kiện đó nếu thiếu việc cân nhắc nhân thân người phạm tội, bản chất, các đặc điểm và quá trình hình thành nó. Nhân thân người phạm tội là một bộ phận cấu thành tất yếu và rất

quan trọng của cơ chế hành vi phạm tội, còn các hoàn cảnh của sự hình thành các đặc điểm tâm lý - xã hội tiêu cực của cá nhân xuất hiện trước các đặc điểm cá nhân nằm trong mối quan hệ nhân quả với tình hình tội hiếp dâm trẻ em, là các yếu tố thuộc môi trường sống bên ngoài.

Việc nghiên cứu làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội sẽ giúp chúng ta thấy rõ những ảnh hưởng, tác động của các yếu tố sinh học và xã hội trong bản thân người phạm tội cũng như những hoàn cảnh xã hội bên ngoài dẫn đến việc hình thành nhân cách sai lệch, những phẩm chất đạo đức cá nhân tiêu cực là những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh hành vi phạm tội. Qua đó góp phần làm rõ mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm để đề ra biện pháp phòng ngừa tội phạm và dự đoán được xu hướng của nó trong tương lai.

Từ những điều trình bày trên, có thể thấy rằng việc nghiên cứu các đặc điểm nhân thân người phạm tội hiếp dâm trẻ em tạo cơ sở cho việc xác định các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm hiếp dâm trẻ em (nguyên nhân và điều kiện), đặc biệt là nhóm những nguyên nhân và điều kiện thuộc về chủ thể thực hiện hành vi phạm tội.

1.4.3. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em với phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em

Từ mối liên hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em với tình hình tội hiếp dâm trẻ em, với nhân thân người phạm tội hiếp dâm trẻ em thì nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em là cơ sở cho việc đề ra các biện pháp phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em.

Nguyên nhân của tình hình tội hiếp dâm trẻ em được hiểu là sự tác động qua lại giữa tâm lý tiêu cực của chủ thể với môi trường sống tiêu cực nhất định làm phát sinh tội hiếp dâm trẻ em.

Việc phòng ngừa tức là khắc phục hoặc làm vô hiệu các nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm trước khi nó gây ra việc thực hiện tội phạm đóng vai trò cơ

bản, quan trọng trong cuộc đấu tranh với tình hình tội phạm. Việc phòng ngừa tội phạm là hệ thống nhiều mức độ các biện pháp mang tính chất Nhà nước, xã hội và Nhà nước - xã hội nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm hoặc làm vô hiệu hóa (làm yếu; hạn chế) chúng bằng cách đó làm giảm và dần dần loại bỏ tình hình tội phạm.

Nội dung của việc phòng ngừa tội phạm cũng như của các biện pháp phòng ngừa tội phạm trước hết phải nhằm tác động vào các nguyên nhân xã hội của tội phạm, vào các yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của nó. Tiếp đó là các biện pháp ngăn chặn tội phạm. Đây là căn cứ khoa học quan trọng nhất của hoạt động phòng ngừa tội phạm.

Tội hiếp dâm trẻ em phát sinh là do nhiều yếu tố còn tồn tại. Trong đó nguyên nhân chính là sự tác động qua lại giữa môi trường sống tiêu cực nhất định với tâm lý tiêu cực của chủ thể sống trong môi trường xã hội đó. Như vậy các biện pháp phòng ngừa cần tác động vào con người nhằm thay đổi nhận thức tâm lý tiêu cực của con người theo hướng phát triển những yếu tố tích cực là cần thiết. Bên cạnh, tác động vào các tình huống tiêu cực từ môi trường sống cũng rất quan trọng. Vì môi trường sống không chỉ ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của con người mà còn tác động qua lại với con người tạo thành các yếu tố phát sinh tình hình tội phạm.

Phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em ở phạm vi luận văn không xác định cụ thể các biện pháp phòng ngừa mà chỉ nêu ra những nội dung có tính định hướng cho việc nghiên cứu, đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em trên cơ sở nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em từ thực tiễn xét xử tội hiếp dâm trẻ em trong phạm vi không gian và thời gian nhất định.

Kết luận Chương 1

Nội dung Chương 1 của luận văn khái quát những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Việc phân tích các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em và của việc thực hiện tội phạm cần phải xác định tổng thể các hiện tượng xã hội tiêu cực cụ thể ở trong mối liên hệ nhân quả với tình hình tội phạm. Những vấn đề trả lời câu hỏi “vì sao tội phạm được thực hiện” và “cái gì tạo điều kiện cho cái đó”. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tác động lẫn nhau với hệ thống các mâu thuẫn xã hội theo hai khuynh hướng. Thứ nhất, chúng chịu ảnh hưởng của sự xuất hiện, phát triển, sự giải quyết các mâu thuẫn và các mặt đối lập cấu thành nó. Thứ hai, những cái quyết định luận phạm tội chiếm một vị trí nhất định trong chính hệ thống các mâu thuẫn xã hội, có tác động kìm hãm đến việc giải quyết các mâu thuẫn đó.

Những vấn đề lý luận cơ bản này là cơ sở để đánh giá thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em tại tỉnh bình phước giai đoạn 2011 - 2015.

Chương 2

THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

2.1. Thực trạng nhận thức và làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Theo số liệu thống kê của liên ngành tư pháp tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh đã xét xử 73 vụ/77 bị cáo phạm tội hiếp dâm trẻ em. Chiếm tỉ lệ 1,4% số vụ và 0,72% số bị cáo phạm tội nói chung (xem bảng 2.2 phụ lục). Vì vậy, để có thể ngăn chặn, loại trừ tội phạm hiếp dâm trẻ em ra khỏi đời sống xã hội thì cần phải đánh giá thực trạng nhận thức của mọi cá nhân trong xã hội về nguyên nhân và điều kiện của tội hiếp dâm trẻ em, vấn đề này rất cần thiết và quan trọng, là cơ sở đề ra các giải pháp phòng ngừa trong đó giải pháp nâng cao nhận thức của mọi người về đạo đức, ý thức pháp luật và nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tội hiếp dâm trẻ em là quan trọng nhất.

Trên tinh thần của các văn bản: Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính Phủ về “tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 48 - CT/TƯ ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; Chỉ thị số 09 - CT/TƯ ngày 01/12/2011 của Ban bí thư Trung ương về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trong tình hình mới”.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc đến các ngành, các cấp, triển khai, có nội dung, chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP của Chính Phủ, Chỉ thị của Bộ chính trị, của Ban Bí thư. Tuy nhiên chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh mới chỉ trên tinh thần đấu tranh, phòng ngừa các loại

tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh, chưa có chỉ đạo cụ thể và những giải pháp phù hợp để ngăn chặn, hạn chế nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội hiếp dâm trẻ em cũng như phòng ngừa hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Trong những năm qua, hoạt động đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong đó có tội hiếp dâm trẻ em được chính quyền và nhân dân chú trọng: các cơ quan Công an nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan thi hành án hình sự đã nỗ lực làm tốt nhiệm vụ phòng, chống tội phạm trong đó có tội hiếp dâm trẻ em. Vì tính chất nghiêm trọng, phức tạp của loại án hiếp dâm trẻ em nên các Cơ quan tố tụng thường phân công, bố trí cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp trực tiếp giải quyết vụ án.

Tuy nhiên các Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án chưa làm rõ nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội hiếp dâm trẻ em hoặc có nêu nhưng chưa đầy đủ, công tác phát hiện và xử lý hành vi phạm tội vẫn chú trọng đến vấn đề chứng cứ, xác định tội danh...là chủ yếu.

Các cơ quan có thẩm quyền chưa tăng cường nâng cao nhận thức, tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhất là làm rõ các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trong nhân dân để họ có tinh thần cảnh giác và có các biện pháp phù hợp để tự bảo vệ bản thân, con em họ khỏi bị hành vi phạm tội xâm hại. Mọi người chưa thấy được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em khỏi hiểm họa bị xâm phạm.

Đây là trách nhiệm của tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân. Tuy vậy, trên thực tế hiện nay vẫn còn tồn tại quan niệm, tư tưởng của một số đông người trong xã hội cho rằng việc thực hiện pháp luật chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án..., chưa thấy đó là trách nhiệm, bổn phận của công dân. Việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật nói chung và các văn bản pháp luật về quyền trẻ em nói riêng của các cơ quan chức năng còn nhiều hạn chế.

Ý thức trách nhiệm thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân còn nhiều hạn chế, chưa mang lại hiệu quả cao, chưa chủ động phối hợp giữa gia đình, nhà trường và chính quyền trong công tác quản lý, chăm sóc và giáo dục các em.

Nhận thức, làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Bình Phước còn nhiều hạn chế cũng là một trong những yếu tố dẫn đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm vẫn chưa hiệu quả và tình hình tội hiếp dâm trẻ em vẫn còn diễn biến phức tạp và ngày càng nghiêm trọng.

2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước

2.2.1. Những nguyên nhân và điều kiện là các yếu tố thuộc môi trường sống bên ngoài

Nguyên nhân và điều kiện kinh tế - xã hội

Trong những năm qua, nền kinh tế của tỉnh Bình Phước đã có bước phát triển khá, thu hút đầu tư đã có bước khởi sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của Bình Phước trong những năm qua vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Cơ cấu kinh tế tuy có chuyển dịch nhưng tốc độ còn chậm; công nghiệp chưa phát triển mạnh theo chiều sâu; việc triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội chưa kịp thời, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh còn thấp... đã làm cho một bộ phận dân cư gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao (trên 1%). Hộ nghèo tập trung chủ yếu ở khu vực sản xuất nông nghiệp, hộ chuyên làm thuê nông nghiệp. Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế cũng làm cho nhiều người trở thành thất nghiệp, có nhiều thời gian nhàn rỗi dễ nảy sinh các suy nghĩ tiêu cực đi đến thực hiện hành vi phạm tội (Số người phạm tội là nông nghiệp chiếm

38,9%, nghề nghiệp không ổn định 28,57%, không nghề nghiệp 19,4% - Bảng 2.7 phụ lục).

Thực tiễn hiện nay, trước sức ép của nền kinh tế thị trường, điều kiện về thời gian của cha mẹ, ông bà, anh chị em và những người thân trong gia đình dành cho trẻ em ngày càng ít, con cái thường bị bỏ rơi, không được chăm sóc chu đáo, là cơ hội cho những kẻ vô đạo đức xâm hại các em, đẩy các em vào con đường phạm tội. Không ít gia đình con cái hư hỏng, khi bị các cơ quan pháp luật phát hiện và xử lý mới biết rõ sự thật.

Tất cả các mặt trái của nền kinh tế - xã hội dẫn đến những tác động tiêu cực, những ảnh hưởng xấu như sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo dẫn đến thất học, mù chữ, thiếu hiểu biết, nhận thức kém và sự xuống cấp về đạo đức khiến cho một bộ phận người bất chấp lý do, sẵn sàng chà đạp lên luân thường đạo lý, danh dự, nhân phẩm để hành động theo bản năng, làm cho tệ nạn xã hội gia tăng (người phạm tội không biết chữ 12 người chiếm 15.58% - Bảng 2.6 phụ lục).

Nguyên nhân và điều kiện thuộc về tổ chức quản lý

Cơ chế quản lý nhà nước và quản lý xã hội của các cơ quan chức năng ở Bình Phước còn nhiều sơ hở, yếu kém và bất cập được thể hiện trên các lĩnh vực:

Trong lĩnh vực văn hóa:

Trong văn kiện Đại hội Đảng XI đã nêu rõ: “tình trạng suy thoái, xuống cấp về đạo đức, lối sống, sự gia tăng tệ nạn xã hội và tội phạm đáng lo ngại, nhất là trong lớp trẻ. Quản lý nhà nước về văn hóa còn nhiều sơ hở, yếu kém. Đấu tranh ngăn ngừa văn hóa phẩm độc hại chưa được chú ý đầy đủ, còn nhiều khiếm khuyết, bất cập”, đặc biệt trong nền kinh tế mở cửa, sự giao lưu quốc tế kinh tế, văn hóa, thông tin ngày càng mở rộng. Những năm gần đây, các sản phẩm văn hóa như: băng hình, băng tiếng, tranh ảnh, sách báo có nội dung kích động tình dục được nhập khẩu bằng mọi con đường: chính thức và không chính thức vào nước ta trong đó có

Bình Phước được lưu hành khá phổ biến đã làm cho nền văn hóa nước ta đã và đang có sự thay đổi về chuẩn mực và quy tắc. Những sự thay đổi này bao gồm sự nhận thức lệch lạc về các giá trị xã hội và văn hóa phẩm đồi trụy lan truyền, quan hệ hôn nhân - gia đình có nhiều rạn nứt là một trong những nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em ở Việt Nam nói chung và ở Bình Phước nói riêng. Bởi lẽ, bên cạnh các hoạt động giao lưu văn hóa lành mạnh, không ít những kẻ thù địch và những kẻ có động cơ vụ lợi đã lợi dụng để truyền bá các loại văn hóa phẩm đồi trụy, có nội dung khiêu dâm là loại hình văn hóa có nội dung xấu với nhiều tác hại nguy hiểm. Các nội dung khiêu dâm, kích dục được thể hiện trên các loại truyện, phim, ảnh, kích động lối sống thác loạn, miêu tả tởm các cảnh làm tình, hiếp dâm gây sự tò mò, đặc biệt là trong giới trẻ mới lớn.

Các cơ quan chức năng của tỉnh đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra, phát hiện và đã tịch thu tiêu hủy khá nhiều băng, đĩa có nội dung đồi trụy nhưng chúng lại tiếp tục xuất hiện. Có những trang web, blog, diễn đàn điện tử độc hại trên internet hiện nay đang là loại hình văn hóa phẩm xấu và độc hại có số lượng lớn và sức công phá nguy hiểm nhất. Mạng thông tin toàn cầu, ngoài những tính năng ưu việt về thông tin cũng có những mặt trái của nó, là môi trường lý tưởng cho việc truyền bá văn hóa phẩm xấu và có sự lây lan rất nhanh. Bên cạnh đó, sự ra đời của nhiều ngành nghề kinh doanh mới mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ nhưng dễ làm phát sinh các tệ nạn xã hội như kinh doanh các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ massage xông hơi, quán bar, các quán internet... các băng, đĩa có nội dung đồi trụy ngày càng nhiều, xâm nhập, lan tràn với tốc độ lớn đã len lỏi vào mọi ngõ ngách của cuộc sống, làm ô nhiễm đời sống văn hóa, tinh thần của xã hội góp phần tạo ra những tư tưởng lệch chuẩn với xã hội, kích thích các hành vi phạm tội, đặc biệt đối với thanh thiếu niên. Đây cũng chính là những nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh tội phạm trong đó có tội hiếp dâm trẻ em.

Diễn hình như vụ án xét xử Vũ Anh Kiệt, ngụ tại tổ 1, ấp 3, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2013/HSST

ngày 16/4/2013 của TAND tỉnh Bình Phước): Do xem phim có nội dung đồi trụy nên trong tâm trí của Kiệt luôn luôn có hình ảnh của một cặp nam nữ trong trạng thái trần truồng nằm quan hệ tình dục với nhau. Chỉ vì không kiềm chế được bản thân sau khi xem các băng hình có nội dung đồi trụy, kích dục mà Kiệt đã nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu Ngô Thị Thùy Ngân, 08 tuổi.

Những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu nhất là đối với người ngoài tỉnh

Việc tuyển dụng lao động vào làm các khu công nghiệp, chế xuất trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã và đang diễn ra một cách ồ ạt, công tác quản lý hộ khẩu, nhân khẩu còn nhiều sơ hở yếu kém, không nắm hết được tình trạng tạm trú, tạm vắng, lai lịch, gốc tích, địa chỉ, nghề nghiệp... Sự sơ hở này đã tạo điều kiện thuận lợi cho một số đối tượng hoạt động phạm pháp, tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng phát sinh. Mặt khác, Bình Phước vẫn còn tồn tại nhiều địa bàn phức tạp, công tác quản lý về nơi cư trú ở các xã, phường, thị trấn còn buông lỏng, sự phối hợp thiếu chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng địa phương với doanh nghiệp trong hoạt động đăng ký tạm trú tạm vắng, trong phòng ngừa tội phạm, dẫn đến tình trạng các đối tượng có biểu hiện nghi vấn không được phát hiện để có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Bảng 2.5 phụ lục cho thấy: trong các đối tượng phạm tội hiếp dâm trẻ em thì số có hộ khẩu thường trú tại địa phương là 71,42%, còn lại 28,57% đối tượng không có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Họ là những đối tượng di dân tự do, không có nghề nghiệp, tới Bình Phước làm thuê. Đặc điểm trên cho thấy công tác phòng ngừa thông qua biện pháp quản lý hành chính về trật tự xã hội, nhất là việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Phước phải được quan tâm đúng mức. Trong hoạt động điều tra các vụ án hiếp dâm trẻ em phải chú ý tới đặc điểm này để nhanh chóng xác minh làm rõ và truy bắt đối tượng gây án.

Các hoạt động tuần tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng và các tổ chức quần chúng chưa thực sự có hiệu quả. Khi nghiên cứu thời gian và địa điểm xảy ra

nhiều vụ án hiếp dâm trẻ em thì thấy rằng một trong những điều kiện dễ dàng làm phát sinh các hành vi hiếp dâm trẻ em là những thiếu sót trong các hoạt động tuần tra canh gác của cảnh sát và các đội dân phòng, tổ an ninh nhân dân. Bên cạnh đó, ở những thôn, sóc, bon có nhiều đoạn đường tối tăm, vắng vẻ không có người canh giữ, những ngôi nhà bỏ hoang, những chòi canh rẫy không có người ở là điều kiện thuận lợi cho bọn tội phạm thực hiện hành vi hiếp dâm trẻ em.(Xem bảng phụ lục 2.12 - thống kê địa điểm gây án). Ví dụ: Bản án số 38/19.9.2011. Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 19/02/2010, sau khi bán vé số xong, Huỳnh Thị Huyền Trang sinh 11/11/2000 đi bộ một mình từ siêu thị coppmart Đồng Xoài theo đường Phạm Ngọc Thảo để về nhà trọ thuộc khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, khi đi ngang một căn nhà gỗ bị bỏ hoang thì bị Võ Đăng Khoa, sinh năm 1991 chạy đến bế Trang vào căn nhà gỗ để thực hiện hành vi giao cấu. Trang la hét, vật lộn với Khoa. Trong quá trình chống trả, la hét không có ai nghe thấy tiếng kêu cứu của Trang. Đến khi Trang phát hiện có tiếng xe máy thì tiếp tục kêu la, Khoa sợ bị phát hiện nên bỏ Trang ra, Trang nhào ra ngoài, lúc này Trang mới được một người đi xe ba gác giúp đỡ.

2.2.2.Những thiếu sót trong công tác giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội (yếu tố khách quan thuộc môi trường sống bên ngoài)

Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người. Là yếu tố quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành tính cách của người phạm tội. Ở Bình Phước, phần lớn người dân sống bằng nghề làm nông, công việc nương rẫy làm họ đầu tắt mặt tối, sáng đi làm thật sớm (như đi cạo mủ cao su từ 02 hoặc 04 giờ sáng), tối về thật muộn. Thường thì các em nhỏ phải ở nhà một mình, điều kiện thời gian của cha mẹ và những người thân trong gia đình dành cho trẻ em ngày càng ít đi, khiến họ không còn thời gian chăm lo giáo dục con cái, do vậy trẻ em có nguy cơ bị xâm phạm tình dục (Tại bảng số 2.11 phụ lục -Thống kê thời gian thực hiện tội phạm thể hiện thời gian gây án nhiều xảy ra phổ biến là vào lúc từ 9h sáng -13 giờ trưa chiếm 34,2%,

tiếp theo là thời gian từ 19 - 23 giờ tối chiếm 24,6%). Diễn hình vụ án Bùi Văn Thanh, sinh năm 1954 là hàng xóm của cháu Trần Thị Xuân Hương, sinh 03/02/1999 ở khu phố Bình Giang II, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Lợi dụng Hương thường xuyên ở nhà một mình, Thanh đã dụ giở cho tiền Hương để thực hiện hành vi giao cấu. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2011 đến 30/12/2012 Thanh đã nhiều lần giao cấu với Hương dẫn đến có thai, trong những lần giao cấu chủ yếu diễn ra tại nhà Thanh, cũng có một vài lần thực hiện hành vi ngay tại nhà của bị hại. Trong một thời gian dài cháu Hương bị xâm hại tình dục mà gia đình không hề biết, đến khi thấy cháu Hương có biểu hiện mệt mỏi, nôn ói mẹ của Hương mới nghi ngờ Hương có thai và đưa đi khám thì mới biết rõ sự việc. (Bản án số 17/16.5.13).

Nhiều vụ án xâm hại tình dục xảy ra do xuất phát từ việc gia đình không quan tâm trong việc quản lý, chăm sóc các em trong cuộc sống hàng ngày, trong khi đó trẻ bị bệnh tâm thần là những đối tượng không có khả năng nhận thức rất dễ trở thành đối tượng bị xâm hại tình dục.

Ví dụ: Vũ Văn Thành đã lợi dụng con gái của ông Tước là Nguyễn Thị Kiều Oanh (chưa đủ 16 tuổi) và Nguyễn Thị Huyền Trang (chưa đủ 13 tuổi) cả hai đều bị bệnh tâm thần, không có khả năng nhận thức và tự vệ Thành đã 01 lần thực hiện hành vi giao cấu với Oanh, 01 lần thực hiện hành vi giao cấu với Trang ngay tại nhà bị hại ở thôn Bình Đức I, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Bản án số 15/15.5.2014).

Thậm chí con cái bỏ nhà đi chơi lang thang qua đêm vướng vào các tệ nạn xấu mà cha mẹ cũng bỏ mặc không quan tâm tìm kiếm. Đó là cơ hội cho những kẻ vô đạo đức lợi dụng xâm hại các em hoặc đẩy các em vào con đường phạm tội.

Ví dụ: Chiều ngày 08/9/2013 cháu Nguyễn Thị Anh Đào, sinh 18/11/2000 đi chơi tại nhà bạn ở khu vực sân bóng Nông trường cao su Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến khi trời đã tối Đào không giám về nhà vì sợ cha, mẹ đánh. Đào

tiếp tục đi lang thang đến khoảng 09 giờ sáng ngày 09/9/2013, Đào đến ấp 03, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú gọi điện cho Ngưu A Thuận ra đi chơi và cùng uống rượu với một số người bạn của Thuận. Đến 15 giờ cùng ngày Đào nhờ Thuận tìm nhà nghỉ để Đào nghỉ lại và đề nghị Thuận ngủ lại với Đào vì ngủ một mình Đào sợ. Thuận đồng ý và Đào đã đồng ý để Thuận giao cầu. Đến ngày 10/9/2013 Đào về nhà thì bị ông Nguyễn Xuân Hòe (cha đẻ) tra hỏi thì Đào kể lại sự việc trên. Gia đình Đào làm đơn tố cáo Thuận. (Bản án số 21/12.6.2013).

Sự ly tán của các cặp vợ chồng đã dẫn đến các em ít được quan tâm giúp đỡ, sự giáo dục của gia đình và cuối cùng là sự phát triển nhanh của các loại tội phạm trong đó có tội hiếp dâm trẻ em. Các trường hợp này thường xảy ra trong các gia đình có bị hại là các em dưới 16 tuổi sống chung với cha dượng, thiếu sự dạy bảo của người cha ruột, người mẹ lại không quan tâm, gần gũi và chăm sóc chu đáo dẫn đến con mình bị chính chồng xâm hại (có 07 vụ án cha dượng hiếp dâm con gái riêng của vợ chiếm 9,5%).

Sự xuống cấp về đạo đức và văn hóa ứng xử trong gia đình cũng là nguyên nhân sâu xa dẫn đến không ít các vụ án hiếp dâm trẻ em mà trong đó nạn nhân và người phạm tội có quan hệ ruột thịt. Qua phân tích bảng số liệu 2.8 phụ lục: thống kê mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội thì quan hệ cha - con chiếm 15,5% (trong đó cha dượng chiếm 9,5%). Điển hình như vụ án bố đẻ hiếp dâm con gái ruột của mình: tại bản án số 45/29.9.2011: do học vấn thấp, thiếu hiểu biết, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 5/2010 đến ngày 15/7/2010, để thỏa mãn dục vọng của bản thân, Trần Văn Đáng, sinh năm 1974, ở khu Sơn Long, Phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước đã lợi dụng trong lúc mọi người trong gia đình không ai ở nhà (đi lễ ở nhà thờ vào mỗi buổi chiều cuối tuần) Đáng đã 05 lần thực hiện hành vi giao cấu với Trần Thuận Thảo là con gái ruột của Đáng khi Thảo chưa đủ 13 tuổi. Ngày 02/8/2010 Thảo được mẹ đưa đi chơi, Đáng không biết nên đi tìm và báo công an phường Sơn Giang. Đến ngày 04/10/2010 Thảo được mẹ đưa về nhà và Thảo đã trình báo sự việc bị bố đẻ Trần Văn Đáng giao cấu nhiều lần tại nhà.

Có nhiều trường hợp mặc dù các cháu bé là người bị hại đã kể lại chuyện bị người khác xâm hại tình dục cho cha mẹ nghe nhưng người lớn do thờ ơ, coi nhẹ tính chất nghiêm trọng của sự việc hoặc có thái độ bao che hành vi vi phạm của người thân nên đã dẫn đến các hành vi xâm hại tình dục tiếp theo đối với con em mình. Ví dụ: Tạ Việt Dũng sinh năm 1996 và cháu Lại Thị Thu Trang sinh 08/11/2001, trú tại khu phố Ninh Thạnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước quen biết và có tình cảm với nhau, thường xuyên liên lạc chat qua điện thoại, mạng xã hội. Vào lúc 22 giờ ngày 14/3/2014 Dũng và Trang quan hệ tình dục với nhau tại nhà Dũng. Đến ngày 15/3/2014 bà Vũ Thị Hạnh mẹ của Trang đến nhà Dũng để đưa Trang về. Cháu Trang kể lại việc giao cấu với Dũng cho bà Hạnh nghe, nhưng do Dũng với Trang có quan hệ tình cảm nên bà Hạnh không tố cáo. Từ thái độ thờ ơ, coi nhẹ tính chất nghiêm trọng của sự việc này của bà Hạnh cho nên Dũng và Trang tiếp tục quan hệ tình dục với nhau thêm 08 lần nữa thì bà Hạnh mới tố cáo hành vi của Dũng. (Bản án số 11/09.4.2015).

Cùng với gia đình thì nhà trường cũng là môi trường ảnh hưởng lớn tới nhân cách của con người. Trong nhà trường các em không chỉ được học những kiến thức về khoa học cơ bản mà còn được giáo dục về nhân cách, đạo đức, lý tưởng, được giáo dục về pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, môi trường nhà trường cũng bộc lộ những hạn chế, là nguyên nhân của tình hình tội phạm nói chung và tội hiếp trẻ em nói riêng. Thực tế hiện nay, nhà trường mới chỉ chú trọng dạy kiến thức văn hóa, cung cấp tri thức cho học sinh còn vấn đề giáo dục đạo đức, lý tưởng sống trong nhà trường phần nào bị sa sút; giáo dục về giới tính, quan hệ tình dục chưa được đưa vào nội dung học chính khóa trong nhà trường; học sinh thiếu hiểu biết về truyền thống văn hóa... dẫn đến sự thiếu hụt kiến thức về tâm, sinh lý giới tính đã tạo cho một số người tâm lý tò mò, dễ dàng đi tìm kiếm và tiếp cận với các loại hình văn hóa phẩm đồi trụy như phim ảnh, băng hình, sách báo v.v... có nội dung không lành mạnh, đã kích thích mạnh về nhu cầu tình dục và dẫn đến những hành động sai lệch của con người. Ngoài ra, việc phối kết hợp giữa gia đình, nhà

trường với các tổ chức đoàn thể, xã hội còn thiếu chặt chẽ, mang tính hình thức. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm xuất hiện tình hình tội hiếp dâm trẻ em. Qua phân tích bảng phụ lục 2.7 về nghề nghiệp thì tỉ lệ người phạm tội đang là học sinh, sinh viên chiếm 5,1%.

Ngoài hai môi trường gia đình và nhà trường thì môi trường xã hội cũng ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tội hiếp dâm trẻ em, đó là:

Việc tổ chức những khu vui chơi giải trí và xây dựng những công trình văn hóa cho thanh thiếu niên, nhi đồng còn quá ít và chật hẹp, chưa thu hút được sự quan tâm của các em. Phần lớn các em trong những ngày nghỉ, lúc nhàn rỗi thường tụ tập đi chơi trong vườn, rẫy hoặc do hoàn cảnh khó khăn các em phải đi lao động kiếm thêm tiền ngoài sự quản lý của gia đình, của người có trách nhiệm là điều kiện thuận lợi để bọn tội phạm thực hiện hành vi của mình. Ví dụ như vụ án: tháng 6/2005 Nguyễn Thị Yên Nhi, sinh năm 1992 được nghỉ hè vào làm công tại xưởng điều Cường Phát ở huyện Lộc Ninh, trong thời gian này Nhi có biết Thái Hoàng Trọng, Nguyễn Hữu Nghĩa, Phạm Văn Quàng, Vũ Ngọc Văn là những người làm công ở xưởng điều. Ngày 11.6.2005 công nhân được nghỉ nên Nhi và một số người nữa cùng với những người này rủ nhau đi vào xã Lộc Hiệp chơi và tất cả cùng tổ chức ăn và uống bia chung tại nhà người quen, đến 15 giờ cùng ngày tất cả tiếp tục đi đến huyện Bù Đốp chơi trên đường đi thì Nhi bị Trọng, Văn, Quàng và Nghĩa kéo vào vườn điều thuộc ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước thay nhau thực hiện hành vi giao cấu. Vì bị đe dọa nên Nhi sợ không kể cho gia đình biết, thời gian sau đó Nhi vẫn tiếp tục đi làm tại xưởng điều và đi học nhưng luôn trong trạng thái lo âu, stress. Thấy Nhi có biểu hiện khác thường ngày 20.9.2005 gia đình đưa Nhi đi khám bệnh, do sợ có thai nên Nhi đã kể lại sự việc cho gia đình biết, sau đó Nhi nhảy xuống giếng tự tử nhưng được mọi người phát hiện kịp thời. (Bản án số 29/05.8.2011).

2.2.3. Nguyên nhân và điều kiện thuộc về công tác phát hiện và xử lý hành vi phạm tội

Trong những năm qua, sự ổn định về chính trị, xã hội của đất nước nói chung và ở Bình Phước nói riêng có sự góp phần quan trọng của các cơ quan tư pháp trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và các vi phạm pháp luật khác chưa đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân, của xã hội. Việc phát hiện, xử lý tội phạm thiếu kịp thời, nghiêm khắc cũng là một trong những nguyên nhân để tội phạm hiếp dâm trẻ em gia tăng.

Trước hết, chúng ta xét về việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Trên thực tế, tội hiếp dâm trẻ em xảy ra nhiều nhưng tỷ lệ điều tra khám phá và xử lý lại rất hạn chế. Tội hiếp dâm trẻ em chủ yếu được phát hiện thông qua việc tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm. Tuy nhiên, việc tiếp nhận các tin báo về tội phạm này còn tùy tiện, chuyển tin không đúng địa chỉ, khi ghi chép, lập biên bản không đầy đủ, chưa khai thác hết sự hiểu biết của người báo tin. Sau khi tiếp nhận tin báo không kịp thời chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Vấn đề chứng cứ có ý nghĩa quyết định trong việc phát hiện và xử lý tội phạm nên việc thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ chứng minh trong hoạt động tố tụng hình sự luôn là vấn đề đầu tiên. Theo quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra chủ yếu thuộc về trách nhiệm của Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra phải tiến hành thu thập chứng cứ một cách kịp thời, đầy đủ, phục vụ cho việc chứng minh tội phạm và được thu thập từ nhiều nguồn trong đó vật chứng là nguồn chứng cứ không thể thiếu trong nhiều vụ án hình sự nói chung phục vụ cho việc chứng minh tội phạm. Bất kỳ một tài liệu, một sự vật, hiện tượng nào được dùng để chứng minh trong một vụ án hình sự đều phải bảo đảm tính khách quan, tính hợp pháp và tính có liên quan đến vụ án hình sự. Tuy nhiên trên thực tế có nhiều trường hợp trẻ em bị xâm hại tình dục, khi gia đình biết đã lưỡng lự

trong cách giải quyết dẫn đến khai báo muộn, không biết cách thu giữ vật chứng cần thiết để giao nộp cho cơ quan chức năng nên vô hình chung đã tạo điều kiện để người thực hiện hành vi phạm tội có đủ thời gian xóa hết dấu vết. Có trường hợp sau khi bị xâm hại một thời gian dài, người bị hại mới tố cáo hành vi của người phạm tội do sợ danh dự, nhân phẩm của bản thân và gia đình bị ảnh hưởng. Do đó, việc thu thập chứng cứ đầy đủ, chính xác gặp nhiều khó khăn (vùng kín bị hóa sẹo, không thu được tinh dịch...) nên rất khó để xác định người bị hại có bị hiếp dâm hay không và ai là người thực hiện hành vi. Do đó, việc điều tra, truy tố cũng như xét xử của Tòa án đối với các trường hợp này rất khó khăn. Ví dụ vụ án mà bị cáo Lê Bá Mai, không chỉ đã có hành vi Hiếp dâm trẻ em mà còn giết chết nạn nhân (vụ án này đã được giới truyền thông thường gọi là “Kỳ án Vườn Mít” với nhiều lần xét xử và tuyên án khác nhau): sáng 12.11.2004 Mai nhìn thấy bé Thị Út (11 tuổi, ngụ xã An Khương, huyện Hớn Quảng, tỉnh Bình Phước) và chị họ đang mót củ mì (sắn) gần nơi Mai làm rẫy khoảng 50m, nên nảy sinh ý định giao cấu. Đến khi xong việc, Mai lấy xe honda đến chỗ 2 cháu để dụ 1 cháu đi. Đến nơi 2 cháu cách nhau khoảng 40m. Mai chạy qua cháu ở cuối rẫy, thấy cháu ít tuổi, gầy ốm nên chạy xe tiếp đến cháu thứ 2 ở đầu rẫy (tên là Thị Út). Mai gọi cháu bé lại rồi chở vào vườn mít. Ở đó, Mai hiếp dâm cháu bé, sau đó vì sợ bị Út tố cáo nên Mai đã xiết cổ cháu bé đến chết, bỏ xác cháu lại vườn mít rồi đi về chòi”. Do công tác khám nghiệm hiện trường, thu thập chứng cứ (ban đầu) không đầy đủ, kịp thời, không đúng quy trình tố tụng... dẫn đến khó khăn trong chứng minh tội phạm và việc giải quyết vụ án kéo dài nhiều năm liền.

Đối với các tội hiếp dâm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng thường thì người phạm tội không thành khẩn khai báo hành vi phạm tội hoặc tìm mọi cách để phản cung, che giấu hành vi phạm tội của mình. Về phía người bị hại thì gần như không muốn tố cáo hành vi phạm tội của tội phạm. Điều này trái ngược với thực tế là nạn nhân của một tội phạm khác thường sẵn sàng hợp tác với các Điều tra viên, Kiểm sát viên. Trong các vụ án này, do bị đe dọa, sợ bị trả thù đối với bản thân hay

người thân, cảm giác bị choáng, tâm lý sợ hãi, hoảng loạn, lo lắng, rất sợ gia đình, bạn bè biết việc, sợ ảnh hưởng đến học hành, đến tương lai, hạnh phúc riêng nên các nạn nhân ít khi sẵn sàng trình báo và cung cấp chi tiết về hành vi phạm tội. Ngay cả những trường hợp mạnh dạn trình báo thì do trình độ non nớt, nhận thức còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm sống, ít tiếp xúc với chính quyền, với Công an nên các cháu cảm thấy khó khăn khi khai báo, không muốn bị hỏi nhiều, khai báo thiếu thiện chí, muốn rút lui khỏi trách nhiệm khai báo trước pháp luật hoặc do dự trong việc khai báo, khai báo lung tung, không diễn đạt được đầy đủ những gì muốn nói. Có những bị hại mới 4 - 5 tuổi nên việc tiếp xúc lấy lời khai hoặc tìm hiểu vụ việc bị hiếp dâm không đơn giản. Tình trạng đó tạo ra những vấn đề khó khăn, đặc biệt là họ mất đi sự hợp tác từ các nguồn thông tin cơ bản về tội phạm - đó chính là nạn nhân. Còn đối với thân nhân nạn nhân: mặc dù rất đau đớn, căm phẫn với thủ phạm nhưng lại không muốn đưa vụ việc ra công khai vì sợ ảnh hưởng đến tương lai, hạnh phúc của con em mình sau này. Ngược lại, có thân nhân của nạn nhân, trong nhiều trường hợp có các lý do khác nhau đã khai báo thiếu khách quan theo hướng tăng thêm tội lỗi cho thủ phạm. Thậm chí, có nhiều vụ án do nôn nóng, chưa đồng tình với cách xử lý của cơ quan bảo vệ pháp luật, gia đình nạn nhân đã tự xử nạn nhân trái pháp luật.

Việc thu thập và khai thác vật chứng có ý nghĩa quan trọng trong việc buộc tội đối với kẻ đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cơ quan tiến hành tố tụng đã không tuân thủ những quy định, thủ tục được quy định trong BLSTTHS, không tôn trọng hiện thực khách quan dẫn đến những khó khăn trong việc phát hiện tội phạm và xử lý vụ án. Những vi phạm thường xảy ra trong việc thu thập chứng cứ là việc khám nghiệm hiện trường không phản ánh đúng thực trạng hiện trường. Đó cũng còn có thể là những vi phạm trong quá trình xét hỏi bị can, bị cáo có biểu hiện bức cung, mớm cung hoặc dùng nhục hình, dẫn đến việc khai báo không chính xác diễn biến sự việc, việc khai báo thiếu trung thực, thiếu khách quan hoặc ghi lời khai không đầy đủ, chỉ ghi những nội dung theo ý muốn của người tiến hành tố tụng, còn

những nội dung khác không được phản ánh trong hồ sơ. Điển hình như vụ Thái Hoàng Trọng cùng đồng phạm đã hiếp dâm cháu Nguyễn Thị Yến Nhi.(Bản án số 29/05.8.2011). Quá trình điều tra, ban đầu Cơ quan điều tra đã không tiến hành khám nghiệm và vẽ sơ đồ hiện trường theo đúng trình tự, thủ tục, lời khai của các bị can mâu thuẫn nhau và nghiêm trọng hơn là các bị can đều là người chưa thành niên nhưng Cơ quan điều tra lại không tiến hành mời luật sư tham gia việc hỏi cung theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS. Sau đó, Cơ quan điều tra mới mời luật sư thì các bị can lần lượt phản cung. Theo quy định của pháp luật thì các biên bản hỏi cung trong trường hợp này nếu không có luật sư tham gia thì không được xem là nguồn chứng cứ, không có giá trị chứng minh nên đã dẫn đến vụ án kéo dài từ năm 2005 đến năm 2013 mới được giải quyết.

Đối với những chứng cứ từ nguồn kết luận giám định. Đây là nguồn chứng cứ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để tạo cơ sở pháp lý đấu tranh với tội phạm. Nhưng thực tế hiện nay, nhiều vụ án hiếp dâm trẻ em “mẫu” không kịp thời được thu để đưa đi giám định hoặc không còn cơ sở để giám định sẽ rất khó khăn cho hỏi cung hoặc buộc tội bị can. Thực tế đã có nhiều vụ án, sau khi xảy ra vụ án nạn nhân đã tắm rửa, giặt quần áo, thời gian từ khi xảy ra vụ phạm tội đến khi trình báo Công an lại quá lâu gây khó khăn cho công tác phá án. Bên cạnh đó, việc trưng cầu giám định chưa kịp thời, chưa đảm bảo đúng yêu cầu của pháp luật, yêu cầu nghiệp vụ. Kết luận giám định không chính xác, còn nhiều mâu thuẫn...là một trong những nguyên nhân làm cho việc giải quyết vụ án bị bế tắc, kéo dài. Điển hình như vụ: Đậu Đình Thiên ở ấp 1, xã Nha Bích, huyện Chợ Thành, tỉnh Bình Phước đã nhiều lần hiếp dâm cháu Nguyễn Thị Thương.Theo giấy chứng nhận thương tích số 271/GCT ngày 20/3/2011 của bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước xác định tình trạng thương tích của cháu Thương: âm hộ có xung huyết ở vị trí 3 giờ, 6 giờ, màng trinh ở vị trí 3 giờ có vết rách đường kính khoảng 2cm. Còn theo biên bản giám định pháp y số 56/2011/GĐPY ngày 22/3/2011 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: màng trinh giãn rộng đường kính (1,5x1,5)cm, không thấy vết

rách. Do có sự mâu thuẫn giữa giấy chứng nhận thương tích và biên bản giám định pháp y nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã yêu cầu giám định lại đối với màng trinh của cháu Thương đến Viện pháp y quốc gia ở phía nam. Tại bản kết luận pháp y số 71/TD ngày 11/12/2011, Viện pháp y quốc gia kết luận: màng trinh không có điểm rách cũ và mới, chứng tỏ chưa có vật gì có đường kính 3cm trở lên đưa qua lỗ màng trinh vào âm đạo. Kết luận này đã phủ nhận hai kết luận trên và mâu thuẫn hoàn toàn với nội dung trong các bản lời khai của Thương, còn lời khai của bị can Thiều lại có nhiều mâu thuẫn. Từ những khó khăn trên, đến nay hồ sơ vụ án vẫn chưa thể giải quyết được dứt điểm.

Thực tế có nhiều vụ án, người tiến hành tố tụng chỉ quan tâm đến việc thu thập chứng cứ buộc tội, không thu thập các tình tiết giảm nhẹ tội cho người phạm tội, mắc sai lầm trong thu thập các chứng cứ có liên quan đến nhân thân người phạm tội như độ tuổi, đặc điểm tâm, sinh lý, hoặc chỉ quan tâm đến thu thập chứng cứ buộc tội không quan tâm đến chứng cứ vô tội dẫn đến việc cơ quan tiến hành tố tụng xử lý sai vụ án.

Trong thực tế, có tư tưởng sai lầm trong việc xem xét đánh giá chứng cứ, như tôn trọng chứng cứ trực tiếp, xem nhẹ chứng cứ gián tiếp, trọng cung hơn trọng chứng. Từ đó dẫn đến việc bức cung, ép cung để ghi nhận các lời khai theo quan điểm của người tiến hành tố tụng.

Chính những khó khăn vướng mắc trong việc thu thập, phân tích, đánh giá chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của người thực hiện tội phạm cho nên nhiều trường hợp không được phát hiện kịp thời do đó không thu thập được chứng cứ tài liệu chứng minh hành vi phạm tội. Nhiều vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung do không có sự thống nhất trong việc đánh giá chứng cứ giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến hậu quả điều tra tội phạm còn thấp. Hình thức xử lý chưa mang tính giáo dục, xử phạt hình sự chưa tương xứng với người phạm tội gây hoài nghi sự công minh của pháp luật. Việc người tiến

hành tố tụng đánh giá không chính xác hành vi và hậu quả phạm tội gây ra đã đưa ra một mức án chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên không mang tính giáo dục và răn đe tội phạm. Điển hình như vụ Trần Thiên Phú ở thôn Phước Hòa, xã Bình Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước đã thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Giang Thị Tuyết Nhung, hành vi trên đã phạm vào tội hiếp dâm trẻ em quy định tại khoản 1 Điều 112 BLHS và có khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù. Tuy nhiên, TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt bị cáo Trần Thiên Phú 3 năm tù giam về tội hiếp dâm trẻ em là quá nhẹ, không thể hiện được tính chất răn đe, giáo dục người phạm tội.

Qua thực tiễn công tác và khảo sát 73 bản án xét xử sơ thẩm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước cho thấy: phần lớn trong bản án Thẩm phán ít làm rõ nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm hoặc có nêu nhưng không đầy đủ (nêu nguyên nhân chủ quan lại thiếu nguyên nhân khách quan...). Ví dụ: Tại bản án số 06/04.3.2013 thể hiện: Vào lúc 18 giờ, ngày 12/12/2011 Nguyễn Văn Lợi, sinh năm 1989 và Trần Thị Cẩm Mến, sinh 10/4/1999 cùng uống rượu chung với một số người bạn khác tại nhà Mến ở xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, đến khoảng 22 giờ cùng ngày Mến thấy chóng mặt nên vào phòng đi ngủ trước (lúc này trong nhà chỉ có một mình Mến), sau đó Lợi và mọi người nghỉ uống rượu và ngủ tại nhà Mến. Đến khoảng 03 giờ ngày 13/12/2011, Lợi thức dậy để đi vệ sinh thì thấy Mến nằm ngủ một mình nên nảy sinh ý định giao cấu với Mến và đi đến giường Mến hỏi “ em đã thức chưa”, Mến lấy tay đập lên tay Lợi, không nói gì và nằm im, thấy Mến không phản ứng gì nữa Lợi lên giường và thực hiện hành vi giao cấu với Mến... việc bị Lợi giao cấu Mến không kể lại cho ai nghe cũng không đi trình báo. Cho đến 12/5/2012, khi Mến có thai được 21 tuần tuổi gia đình mới phát hiện và làm đơn tố cáo Nguyễn Văn Lợi. Trong bản án này Thẩm phán chỉ nêu nội dung một nguyên nhân “... Bị cáo thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn để thỏa mãn dục vọng của bản thân”. Đây chỉ là một trong những nguyên nhân từ đặc điểm tiêu cực ở người phạm tội, động cơ phạm tội. Còn nguyên nhân tiêu cực từ đặc điểm của nạn

nhân (uống rượu say nên không nhận thức được hành vi); Nguyên nhân trong hoạt động quản lý của gia đình (không quan tâm chu đáo đến con cái) thì không được làm rõ. Việc Mến uống rượu say và mấy người con trai khác ngủ tại nhà qua đêm mà cha mẹ không biết là một thiếu sót trong việc quan tâm, chăm sóc, giáo dục con cái vì Mến ở nhà một mình trong hoàn cảnh như vậy sẽ không an toàn đối với một trẻ em gái chưa đủ 13 tuổi - chưa nhận thức được đầy đủ hành vi của mình - khả năng tự bảo vệ kém. Sự việc này gia đình phát hiện khi Mến đã có thai.

Việc Thẩm phán không nêu hoặc có nêu mà không đầy đủ nội dung các yếu tố làm phát sinh tội phạm hiếp dâm trẻ em đã làm giảm tính thuyết phục, tính toàn diện của bản án.

Những tồn tại trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng một trong những nguyên nhân đó là do đội ngũ cán bộ trực tiếp đấu tranh chống tội phạm còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức. Tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp còn bất hợp lý, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, lạc hậu.

2.2.4. Nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ pháp luật

BLHS đã được sửa đổi nhiều lần nhằm kịp thời thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, là công cụ sắc bén thể hiện tính cương quyết trong công cuộc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm đặc biệt là tội hiếp dâm trẻ em, góp phần tạo nên những thành tựu quan trọng trong việc giữ vững an ninh, đảm bảo được sự vững chắc của quốc phòng, duy trì được trật tự xã hội, ổn định về chính trị, sự an toàn của người dân.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, diễn biến tình hình tội hiếp dâm trẻ em vẫn không giảm, ngày càng phức tạp, trẻ em bị xâm phạm ngày càng nhỏ tuổi hơn, có

những em mới 4,5 tuổi. Điều đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có những quy định của BLHS, thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Một là, trong cấu thành tội phạm, dấu hiệu chủ thể của tội hiếp dâm trẻ em là chủ thể đặc biệt (chỉ có thể là nam giới) nhưng không được mô tả dấu hiệu đặc biệt của chủ thể. Trong cấu thành tội phạm hiếp dâm trẻ em mô tả chủ thể là “người nào” mà không kèm theo dấu hiệu đặc biệt về giới tính. Với quy định như vậy thì có thể hiểu chủ thể của tội phạm này có thể là nam hoặc nữ. Và như vậy, nữ cũng có thể là đồng thực hành tội hiếp dâm trẻ em trong trường hợp họ có hành vi dùng vũ lực để cho người nam thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Trái lại, khi hiểu chủ thể của tội hiếp dâm trẻ em chỉ có thể là nam giới thì người nữ trong trường hợp này chỉ có thể là người giúp sức, không thể là người đồng thực hành được. Để tránh những tranh luận không cần thiết này và để đảm bảo tính rõ ràng, thống nhất trong luật thì cần phải bổ sung đặc điểm giới tính cho dấu hiệu chủ thể trong cấu thành tội phạm.

Hai là, đối với tình tiết định khung tăng nặng “biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội” được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 112 BLHS. Việc nhà làm luật đưa tình tiết này vào điều luật vì bệnh nhiễm HIV là một căn bệnh hiểm nghèo, bị lây truyền qua con đường sinh hoạt tình dục. Tình tiết này được hiểu nếu người phạm tội biết mình bị nhiễm HIV nhưng vẫn thực hiện hành vi giao cấu với trẻ em, tức là người phạm tội nhận thức được là sẽ lây truyền HIV cho trẻ em, gây hậu quả cho trẻ em nên trường hợp này cần xử lý nghiêm khắc hơn các trường hợp khác. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra ở đây là mặc dù người phạm tội biết rõ mình bị nhiễm HIV, nhận thức rõ con đường lây truyền bệnh nhưng người phạm tội đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa để tránh lây truyền cho nạn nhân trẻ em, không có ý thức lây truyền HIV cho người khác thì có xử lý người phạm tội theo tình tiết nêu trên không? Tình tiết trên chưa thể hiện rõ người phạm tội cố ý hay không cố ý (dùng biện pháp phòng ngừa) lây truyền bệnh cho nạn nhân. Nếu người phạm tội biết mình bị nhiễm HIV, nhận thức rõ con đường lây truyền bệnh và áp dụng biện pháp

phòng ngừa nhưng người phạm tội vẫn bị áp dụng tình tiết này để xử lý là không có cơ sở nên quy định này cần được sửa đổi cho phù hợp. Hiện nay, có quan điểm cho rằng trường hợp biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội hiếp dâm trẻ em là trường hợp người phạm tội không cố ý lây truyền HIV cho nạn nhân. Nếu cố ý lây truyền HIV cho nạn nhân thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội: tội hiếp dâm trẻ em và tội cố ý lây truyền HIV cho người khác. Lập luận của quan điểm này không chuẩn xác bởi vì nếu người phạm tội đã biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn thực hiện hành vi giao cấu với nạn nhân khi không áp dụng các biện pháp phòng ngừa thì cũng có nghĩa là người phạm tội đã cố ý lây truyền HIV cho người khác. Do đó, không nên truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội về tội cố ý lây truyền HIV cho người khác được quy định tại Điều 117 BLHS khi đã áp dụng cho người phạm tội về tình tiết cố ý lây truyền HIV cho nạn nhân (biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội) làm tình tiết định khung hình phạt tăng nặng của tội hiếp dâm trẻ em.

Ba là, mâu thuẫn trong việc xác định tỷ lệ thương tích giữa hai tội cố ý gây thương tích đối với trẻ em và tội hiếp dâm trẻ em có sử dụng bạo lực gây thương tích (Điều 104 và Điều 112).

Bốn là, cấu thành tội phạm mô tả hành vi dùng vũ lực giao cấu trái ý muốn với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. “Trái ý muốn” của người bị hại là một trong những dấu hiệu rất quan trọng để xác định có tội hay không có tội nhưng trong thực tiễn áp dụng pháp luật rất khó xác định, vì đây là trạng thái tâm lý của người bị hại thuộc ý thức chủ quan. Vì vậy, khi lời khai của người bị hại thể hiện hành vi của người phạm tội là trái ý muốn của họ và phải phù hợp với các chứng cứ khác chứng minh việc giao cấu trái ý muốn, thì người có hành vi giao cấu mới bị coi là phạm tội hiếp dâm trẻ em. Nhưng thực tế, đôi khi việc xác định yếu tố trái ý muốn của người bị hại gặp nhiều khó khăn. Do việc giao cấu chỉ người bị hại và người thực hiện hành vi đó mới biết rõ, có khi do mối quan hệ quen biết, ban đầu nạn nhân khai là trái ý muốn, nhưng sau lại khai là đồng ý cho giao cấu. Nếu không có chứng cứ chứng minh cho việc giao cấu trái ý muốn thì người phạm tội sẽ không

bị truy cứu về tội hiếp dâm trẻ em (trừ trường hợp bị hại dưới 13 tuổi). Vì vậy, gây khó khăn cho công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm này.

Luật sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2009 quy định: mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ mười ba tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em.

BLHS năm 2015 đã quy định rõ hơn, phân hóa theo độ tuổi của người bị hại cụ thể theo từng khung tăng nặng và quy định hình phạt cụ thể cho từng nhóm tội: điểm b khoản 01 Điều 142 “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi” (mức phạt cao nhất đến 15 năm); điểm c khoản 3 Điều 142 “phạm tội đối với người dưới 10 tuổi”(mức hình phạt cao nhất tử hình).

Từ thực tiễn áp dụng và qua quá trình nghiên cứu quy định về tội Hiếp dâm trẻ em trong BLHS(sửa đổi, bổ sung 2009), và BLHS năm 2015 nhận thấy còn tồn tại một số vướng mắc, hạn chế như sau:

Thứ nhất, khái niệm về thuật ngữ “Giao cấu” hiện nay vẫn được hiểu theo hướng dẫn của Bản tổng kết 329/HS2 ngày 11/5/1967 của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) là “sự cọ sát dương vật vào bộ phận sinh dục người phụ nữ...”tức là, chủ thể phạm tội hiếp dâm chỉ có thể thuộc giới tính nam và nạn nhân thuộc giới tính nữ. Điều này đối với thực tiễn hiện nay nên chăng cần có phạm vi rộng hơn. Bởi, thực tế trong xã hội phát triển, hiện đại hôm nay, sự xuất hiện tràn lan của “sex toys” (đồ chơi tình dục: với những công cụ, thiết bị, đồ vật được sản xuất có kết cấu giống bộ phận sinh dục nam hoặc nữ nhằm kích thích khoái cảm về tình dục), thuốc kích dục, sự quan hệ đồng giới (đồng giới nam hoặc đồng giới nữ)...Chẳng hạn, khi sử dụng các công cụ tình dục để đạt mục đích giao cấu (thỏa mãn nhu cầu sinh lý) mà không có sự cưỡng bức hay dùng bạo lực thì có bị xem là phạm tội Hiếp dâm trẻ em (đối với trẻ dưới 13 tuổi) hay không?

Thứ hai, người thực hiện hành vi nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội thông qua hành vi khách quan và đối tượng tác động. Thực tế, để xác định ý thức

chủ quan của người phạm tội đối với trẻ em là khá phức tạp. Với sự phát triển của xã hội hiện nay, trẻ em được chăm sóc trong điều kiện tốt nên thể chất phát triển tốt, vóc dáng cao, lớn, bề ngoài nhìn có vẻ giống người lớn, người đã trưởng thành. Mặt khác, với trình độ khoa học công nghệ thông tin bùng nổ hiện nay, trẻ em tuy tuổi còn nhỏ nhưng hay có hành vi bắt chước người lớn hoặc tò mò về giới tính nhưng lại không được hướng dẫn đúng cách. Một số trường hợp nạn nhân nói sai độ tuổi hoặc cố ý nói sai để người phạm tội có cơ hội thực hiện hành vi giao cấu. Trong những tình huống này, việc xác định tội danh vẫn còn nhiều quan điểm nên thực tiễn giữa các cơ quan tiến hành tố tụng có khi không thống nhất về tội danh đối với người phạm tội.

Thứ ba, về việc xác định hành vi thuộc mặt khách quan của người phạm tội. Đối với tội phạm hiếp dâm trẻ em mà đối tượng là trẻ em chưa đủ 13 tuổi, người phạm tội không phải lúc nào cũng thực hiện hành vi giao cấu hoặc đạt được mục đích giao cấu trong các lần thực hiện tội phạm đối với cùng một nạn nhân. Tại khoản 4 Điều 112 BLHS quy định “Trong mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em...” nhưng đó là các trường hợp mà người phạm tội có hành vi “giao cấu” với nạn nhân, vậy trong trường hợp đó có lần người phạm tội không thực hiện hành vi “giao cấu” mà chỉ thực hiện các hành vi thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm của tội danh độc lập khác thì việc định tội danh được xử lý như thế nào? Có nhiều hướng quan điểm như sau:

-Quan điểm thứ nhất cho rằng, hành vi của người phạm tội cho dù đạt được việc “giao cấu” hay không đối với trẻ chưa đủ 13 tuổi đều thỏa mãn quy định tại khoản 4 Điều 112 BLHS, tức là người phạm tội cho dù thực hiện nhiều lần phạm tội, trong đó có lần giao cấu được, có lần không thì phạm tội với trẻ chưa đủ 13 tuổi đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 4 Điều 112 BLHS về tội Hiếp dâm trẻ em. Quan điểm này cho rằng, các hành vi trong tội phạm này có mối quan hệ hữu cơ với nhau, việc đạt được giao cấu hay không không quan trọng, không là dấu hiệu bắt buộc để xem xét định tội. Và bởi phạm tội với trẻ chưa đủ 13 tuổi khung

hình phạt rất rộng: từ mười hai năm đến hai mươi năm tù giam, tù chung thân hoặc tử hình. Nên có thể tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi hoặc xem các hành vi khác là tình tiết tăng nặng mà quyết định mức hình phạt tương xứng.

Quan điểm thứ hai cho rằng, hành vi của người phạm tội đối với trẻ chưa đủ 13 tuổi, lần đạt được mục đích giao cấu thì định tội Hiếp dâm trẻ em, lần không đạt được giao cấu mà các hành vi thỏa mãn tội danh độc lập khác thì định thêm tội danh độc lập đó, chẳng hạn như tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116 BLHS). Theo lý luận chung tại các giáo trình tại các trường đại học thì tội dâm ô đối với trẻ em có đối tượng tác động là trẻ em từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi. Theo các tài liệu nghiên cứu, sách chuyên khảo phân tích thì đối tượng tác động của tội dâm ô đối với trẻ em là trẻ em chưa đủ 16 tuổi, tức là bao gồm cả trẻ dưới 13 tuổi. Điều luật 116 BLHS thì quy định chung chung là “Người nào đã thành niên mà có hành vi dâm ô đối với trẻ em thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm...” Thực tiễn định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng ủng hộ quan điểm thứ hai và thường xử lý theo luồng quan điểm này định thành hai tội đối với người phạm tội.

Vì có nhiều quan điểm khác nhau nên hướng xử lý của các cơ quan có thẩm quyền cũng khác nhau. Việc định tội danh khác nhau giữa các cơ quan có thẩm quyền khác nhau dẫn đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cũng khác nhau, làm hạn chế tính nghiêm minh của pháp luật thông qua chế tài áp dụng đối với tội phạm.

Thứ tư, xác định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và độ tuổi của nạn nhân. Thực tiễn hiện nay cho thấy, loại tội phạm này ngày càng trẻ hóa đối tượng bị xâm hại tình dục và người phạm tội là trẻ chưa thành niên ngày càng gia tăng, trở thành vấn đề đáng báo động trong xã hội. Trong các vụ án hình sự về xâm phạm tình dục, việc xác định tuổi là hết sức quan trọng, đóng vai trò là tình tiết định tội, định khung hoặc là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong nhiều trường hợp, việc xác định tuổi là cơ sở để định tội, các tội phạm được quy định tại Điều 112 BLHS (tội

hiếp dâm trẻ em); Điều 114 BLHS (tội cưỡng dâm trẻ em); Điều 115 BLHS (tội giao cấu với trẻ em);...Hậu quả của các vụ án hiếp dâm trẻ em là khôn lường, không thể đo lường cho yếu tố tổn thất về tinh thần, thế nên việc một tội phạm tuổi chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự (dưới 14 tuổi) phạm tội này một cách đặc biệt nghiêm trọng mà không phải chịu một chế tài tương xứng với hành vi phạm tội thì có bảo đảm được tính nghiêm minh tối thượng của luật pháp hình sự? Thực tiễn công tác xét xử đã cho thấy một số bị can phạm tội nhiều lần nhưng do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không bị khởi tố xử lý mà chỉ đưa về địa phương giáo dục, quản lý.

Bên cạnh đó, độ tuổi của trẻ em càng nhỏ thì trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội càng cao. Mức hình phạt là khác nhau đối với mỗi lứa tuổi khác nhau quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 của Điều 112 BLHS.

Việc xác định tuổi bị hại càng chính xác thì việc ấn định khung hình phạt cũng như việc lượng hình của Hội đồng xét xử sẽ chính xác và tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Tại huyện, thị xã vùng có các xưởng chế biến, khu công nghiệp chế xuất là nơi có số lượng dân nhập cư sinh sống nhiều, việc làm giấy khai sinh không đầy đủ, cho nên vẫn có nhiều trường hợp đến nay vẫn chưa có giấy khai sinh hoặc làm giấy khai sinh sau khi sinh 2 đến 5 năm (thậm chí nhiều hơn) nên ngày tháng năm sinh trong giấy khai sinh không chính xác, có trường hợp người bị hại không biết ngày tháng năm sinh của mình nên các cơ quan tiến hành tố tụng đến hỏi bố mẹ của bị hại, do nhu cầu cơm áo gạo tiền nên bố mẹ bị hại đôi khi cũng không nhớ chính xác; vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể đoán chừng ngày, tháng, năm sinh của trẻ bị xâm hại theo những lời khai trên được mà phải tuân thủ một nguyên tắc thống nhất về vấn đề này. Thực tế có nhiều trường hợp phải giám định răng, xương của bị hại để xác định tuổi của bị hại khi khởi tố.

Quy định của pháp luật hình sự thì có một số bất cập như sau:

Khi áp dụng quy định tại Điều 47 BLHS vào vụ án cụ thể vẫn còn gặp những vướng mắc. Việc nhà làm luật quy định cấu trúc khung hình phạt của Điều 112 vẫn có chỗ chưa phù hợp cho việc áp dụng Điều 47 BLHS. Theo đó, quy định tại Điều 112 thì khung hình phạt liền kề của khoản 4 là khoản 3, khung hình phạt liền kề của khoản 3 là khoản 2, khung hình phạt liền kề của khoản 2 là khoản 1. Nhưng khung hình phạt quy định tại khoản 4 của điều luật này thì mức hình phạt khởi điểm lại thấp hơn mức hình phạt khởi điểm quy định tại khoản 3 (mười hai năm so với hai mươi năm) và bằng với mức hình phạt khởi điểm quy định tại khoản 2 của điều này (cũng là mười hai năm tù). Vì vậy, trong trường hợp bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xứng đáng được áp dụng các quy định của Điều 47 BLHS thì việc xác định mức án trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là rất bất hợp lý. Nếu áp dụng khung hình phạt liền kề tại khoản 3 thì mức khởi điểm lại cao hơn khoản 4; nếu áp dụng theo mức hình phạt khởi điểm tại khoản 2 thì lại có mức hình phạt khởi điểm bằng nhau và như vậy việc áp dụng các quy định tại Điều 47 BLHS không có ý nghĩa; nếu coi khoản 1 là khung hình phạt liền kề nhẹ hơn để áp dụng thì lại không đúng tinh thần của Điều 47 BLHS.

Vấn đề này đã được khắc phục trong Điều 142 BLHS năm 2015: quy định mức hình phạt ở khoản 1 là 07 năm đến 15 năm; khoản 2 là 12 đến 20 năm và khoản 3 là từ 20 năm, chung thân hoặc tử hình. BLHS 2015 đã chia khoản 04 của Điều 112 BLHS 1999 ra thành 02 điểm ở hai khoản khác nhau và có mức hình phạt khác nhau. Điều này đã tránh được chồng chéo trong cân nhắc, xem xét để áp dụng hình phạt (điểm b khoản 1 Điều 142 “ Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người dưới 13 tuổi”; điểm c khoản 03 “ phạm tội đối với người dưới 10 tuổi”).

Đối với tình tiết định khung tăng nặng “biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội” được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 112 BLHS 1999 và điểm e khoản 3 Điều 142 BLHS năm 2015. Hiện nay, có quan điểm cho rằng trường hợp biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội hiếp dâm trẻ em là trường hợp người phạm tội

không cố ý lây truyền HIV cho nạn nhân. Nếu cố ý lây truyền HIV cho nạn nhân thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội: tội hiếp dâm trẻ em và tội cố ý lây truyền HIV cho người khác. Lập luận của quan điểm này không chuẩn xác bởi vì nếu người phạm tội đã biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn thực hiện hành vi giao cấu với nạn nhân khi không áp dụng các biện pháp phòng ngừa thì cũng có nghĩa là người phạm tội đã cố ý lây truyền HIV cho người khác. Do đó, không nên truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội về tội cố ý lây truyền HIV cho người khác được quy định tại Điều 117 BLHS khi đã áp dụng cho người phạm tội về tình tiết cố ý lây truyền HIV cho nạn nhân (biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội) làm tình tiết định khung hình phạt.

2.2.5. Nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm xuất phát từ đặc điểm tiêu cực ở nạn nhân

Nạn nhân của tội phạm là những cá nhân, tổ chức phải chịu những hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần, tình cảm, tài sản hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác mà những hậu quả thiệt hại này là do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra.[36, tr. 19].

Nạn nhân của tội hiếp dâm trẻ em là những người (cá nhân) bị hành vi phạm tội xâm phạm gây thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe, tinh thần, tình cảm, ảnh hưởng nghiêm trọng tới cuộc sống cũng như tương lai, hạnh phúc của họ. Nhiều trường hợp hành vi phạm tội gây ra những tổn hại nghiêm trọng tới sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý của trẻ em gái (dưới 16 tuổi). Từ những thiệt hại về sức khỏe, tinh thần sẽ dẫn đến những thiệt hại về kinh tế như tiền chữa bệnh, điều trị về tâm thần...

Yếu tố về tuổi cũng góp vai trò không nhỏ làm tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của tội hiếp dâm trẻ em, qua nghiên cứu 73 bản án và phân tích số liệu từ bảng 2.10 phụ lục cho thấy: số nạn nhân ở độ tuổi dưới 10 tuổi chiếm 31,5% nhóm trẻ em trong độ tuổi (dưới 10 tuổi) tuy tỉ lệ thấp hơn nhóm độ tuổi từ 10 đến dưới 13 nhưng

vẫn khá cao, ở độ tuổi này các em không có khả năng tự vệ để bị xâm phạm tình dục nhất và hậu quả để lại là rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe, tương lai, hạnh phúc của các em, khi xâm phạm đối với trẻ em ở độ tuổi này thì tùy mức độ có thể áp dụng mức hình phạt cao nhất của khung là tử hình; độ tuổi từ 10 tuổi đến dưới 13 tuổi chiếm 57,5%, chiếm tỉ lệ cao nhất. Lứa tuổi này các em cũng dễ bị đe dọa, dụ dỗ và khả năng tự vệ kém nên các em dễ bị xâm phạm, từ 13 đến dưới 16 tuổi chiếm 12,3%. Độ tuổi này nhận thức chưa đầy đủ nhưng đây là lứa tuổi dậy thì các bé gái thay đổi về tâm - sinh lí, dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường bên ngoài nhất là những câu chuyện tình yêu lãng mạn, những trò chơi kích thích tình dục... bắt đầu có những sở thích, nhu cầu cá nhân: có tình cảm trai gái, tò mò về tình dục, tham gia vào các quan hệ không lành mạnh (uống rượu, bỏ nhà đi chơi với bạn trai qua đêm...) sẽ dễ bị kẻ xấu xâm phạm thậm chí còn chủ động rủ bạn trai đi chơi, quan hệ tình dục.

Ngày nay, ảnh hưởng của lối sống thực dụng, nhiều người trong đó có cả trẻ em hình thành lối sống gấp, ăn chơi, đua đòi, sống thoáng, coi trọng lợi ích vật chất, coi thường giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục nên sẵn sàng tự nguyện trở thành nạn nhân để có tiền thỏa mãn nhu cầu thấp hèn của mình. Một số người khác bằng các thói quen, lối sống của mình lại vô tình tạo điều kiện thuận lợi cho hành vi phạm tội xâm hại. Đó là coi thường sự bảo vệ tính mạng, sức khỏe của mình như thường xuyên đi đêm một mình ở đoạn đường vắng, để trẻ em ở nhà một mình, hoặc gửi đứa trẻ cho những thanh niên mới lớn, có biểu hiện đua đòi hư hỏng... đây chính là những yếu tố thúc đẩy làm phát sinh ý định và thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm tình dục. Ví dụ vụ án: Khoảng 10 giờ ngày 07/10/2012 Trần Văn Hiến, sinh ngày 26/9/1998 là học sinh lớp 7 cư trú tại thôn Thanh Long, xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước sang nhà bà Đinh Thị Mỹ Lệ, sinh năm 1971 ở cùng thôn trông nhà giúp bà Lệ để bà Lệ đi nhà thờ lễ. Khi đó, nhà bà Lệ chỉ có một mình cháu Trần Thị Huyền Trang – sinh ngày 28/9/2005 đang ngồi chơi trước cửa nhà, Hiến đi đến chơi cùng với cháu Trang, trong khi chơi đùa cháu Trang chạy

lên giường trong buồng và bị té ngã xuống thấy vậy Hiền đi đến và đè lên người cháu Trang thực hiện hành vi giao cấu. (Bản án số 49/30.9.13).

Hoặc những thói quen, lối sống như thói quen đi chơi khuya, uống rượu hay sử dụng chất kích thích, thói đua đòi, ăn chơi... làm tăng khả năng nạn nhân hóa. Nghiên cứu 73 bản án có 02 trường hợp do nạn nhân đã uống rượu chung với bị cáo trước khi bị xâm hại. Điển hình như vụ án xảy ra ngày 02/12/2012 tại ấp 7, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước: Khoảng 21 giờ ngày 01/12/2012 Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 14/11/1998 cùng với một nhóm bạn tất cả gồm 03 nam 03 nữ rủ nhau đi uống nước đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày cả nhóm tiếp tục mua rượu vào vườn cao su để uống. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 02/01/2012 thì nghỉ và cả nhóm mắc võng ở cây cao su nằm nghỉ. Do uống nhiều rượu nên Nguyễn Thị Hương ngồi ngủ ở một gốc cây cao su thì bị 02 bạn nam trong nhóm đi chơi chung là Phạm Minh Trí, sinh 21/12/1996; Nguyễn Hữu Hưng, sinh năm 1994 xâm phạm tình dục (thực hiện hành vi giao cấu). Sau khi bị Trí và Hưng giao cấu, Nguyễn Thị Hương đã uống thuốc tự tử nhưng được gia đình phát hiện, cứu sống (Bản án số 54/27.11.13) .

2.1.6. Nguyên nhân, điều kiện thuộc về yếu tố tình huống trong tội hiếp dâm trẻ em

Như đã phân tích ở Chương 1 (những nhóm tình huống chủ yếu) và qua nghiên cứu 73 bản án cho thấy: thời gian các đối tượng thực hiện tội phạm ban đêm 18 vụ chiếm 24,6%, ban trưa 25 vụ chiếm 34,2% (bảng 2.11 phụ lục). Từ số liệu này thấy rằng cần tăng cường biện pháp tác động ngăn chặn tội phạm có nguy cơ xảy ra, chủ yếu tập trung vào hai thời điểm trên, tiếp theo là vào các thời điểm khác trong ngày. Tăng cường giáo dục ý thức đạo đức, pháp luật đối với từng thành viên trong gia đình, tăng cường sự quản lý của gia đình đối với con em mình, không để các em trong những hoàn cảnh mà dễ tạo điều kiện cho hành vi phạm tội xâm hại (ở nhà một mình, đi học, đi mót mủ, mót sắn một mình...) và chú ý, cảnh giác ngay cả

với những người nam giới có quan hệ thân thiết với các em kể cả có quan hệ lệ thuộc bởi vì những người này thường xuyên gần gũi các em, khi gặp hoàn cảnh thuận lợi các em rất dễ bị xâm hại(hàng xóm, anh em,cha con...).

Qua điều tra xã hội học về nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước đối với 100 người là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Luật sư...trong đó có cả những người không làm công tác pháp luật, là người thân của nạn nhân thì có 41% cho rằng do lỗi ứng xử, lối sống buông thả của nạn nhân (đi đêm không về nhà, nhậu say không nhận thức được hành vi...)-(Bảng 2.13 phụ lục).

2.2. Những nguyên nhân và điều kiện thuộc về chủ thể thực hiện hành vi phạm tội

Những nguyên nhân phát sinh, phát triển thuộc bản thân người phạm tội xuất phát từ những nhu cầu, hứng thú thấp kém với những thói hư, tật xấu và đặc biệt là biện pháp để thỏa mãn nhu cầu. Đó là những nguyên nhân và điều kiện thuộc yếu tố tâm - sinh lý của chủ thể hành vi phạm tội.

2.2.1. Sai lệch ý thức cá nhân

Nói đến tâm - sinh lý của con người là nói đến nhu cầu. Con người có nhu cầu nhưng đồng thời cũng có ý thức về nhu cầu và cách thức, con đường để thỏa mãn nhu cầu. Cách thức, con đường sai trái để thỏa mãn nhu cầu (tức vượt quá chuẩn mực của pháp luật, của cộng đồng xã hội) chính là nguyên nhân trực tiếp của các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Chỉ khi nào có ý thức sai về con đường thỏa mãn nhu cầu sinh lý, tình dục mới có thể trở thành nguyên nhân trực tiếp của việc phạm tội hiếp dâm trẻ em và quá trình suy thoái nhân cách của tội phạm có biểu hiện đầu tiên là suy thoái đạo đức, tiếp theo đó là sự đổ vỡ của hệ thống các chuẩn mực giá trị xã hội trong tâm lý họ. Từ sự suy thoái nhân cách dẫn đến lệch chuẩn của các hiện tượng tâm lý khác như: sự lệch lạc về động cơ, nhu cầu, hứng

thú, thể giới quan và cuối cùng là hình thành các động cơ thúc đẩy thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài những sai lệch về tâm lý, người phạm tội còn bị ảnh hưởng bởi chính yếu tố thể chất của cá nhân tội phạm này. Trước hết, họ là những con người thiếu giáo dục hoặc không tiếp nhận sự giáo dục của gia đình và xã hội dẫn đến nhận thức xã hội, ý thức trách nhiệm xã hội và ý thức trách nhiệm công dân thấp kém. Những cá nhân này phần lớn có tính cách cá nhân tiêu cực, trụy lạc không biết kiềm chế, lòng ham muốn dục vọng thấp hèn, tầm nhận thức hạn chế làm cơ sở và động lực của hành vi phạm tội. Yếu tố này là nguyên nhân trực tiếp của tội hiếp dâm trẻ em. Hiện nay, có nhiều quan điểm, cách nhìn nhận sai lệch và vì dễ thỏa mãn nhu cầu tình dục mà họ bất chấp pháp luật, đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục và những truyền thống, tập quán của dân tộc.

Tuy nhiên, tâm lý trụy lạc, lòng ham muốn dục vọng thấp hèn không biết kiềm chế, tầm nhận thức hạn chế, lỗ mãng không phải là những thứ có sẵn, bẩm sinh trong con người phạm tội. Là tổng hòa các quan hệ xã hội, con người luôn bị tác động bởi hoàn cảnh, môi trường bên ngoài. Các yếu tố bên ngoài tác động vào nhu cầu, ý thức, tư tưởng, tình cảm của con người. Tác động biện chứng giữa yếu tố bên ngoài và yếu tố bên trong (chủ quan) của con người ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu và ý thức về con đường thỏa mãn nhu cầu. Vì vậy, trong khi chú ý đến yếu tố tâm lý xã hội, yếu tố bên trong với tư cách là nguyên nhân trực tiếp của tội phạm thì đồng thời cũng phải chú ý đến tất cả các yếu tố tiêu cực bên ngoài đang tác động đến ý thức của con người về nhu cầu và con đường thỏa mãn nhu cầu. Từ thực tiễn nghiên cứu về trình độ học vấn của những người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong 5 năm từ 2011 đến 2015 cho thấy tỷ lệ người phạm tội không biết chữ chiếm 15,58%, học cấp 1 chiếm tỷ lệ 36,36% mà chủ yếu là học lớp 1, lớp 2. Qua đó cho thấy trình độ học vấn của những người phạm tội hiếp dâm trẻ em là rất thấp, cho nên việc nhận thức sai lệch đạo đức, lối sống, về giới tính, quan hệ tình dục dẫn đến những hành động sai lệch của con người trên con đường thỏa

mãn nhu cầu tình dục của mình, chưa thoát khỏi những quan điểm cổ hủ, lạc hậu. Đó cũng là những nguyên nhân chính xuất hiện tội hiếp dâm trẻ em. Chẳng hạn, nhằm để thỏa mãn nhu cầu dục vọng của mình mà người phạm tội đã lợi dụng nạn nhân còn nhỏ, đã dụ dỗ, dọa nạt hoặc lợi dụng người bị bệnh tâm thần nên hạn chế về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi; hoặc người phạm tội cho rằng phạm tội đối với các em nhỏ thì sẽ an toàn hơn, không ai biết, khó phát hiện để tố giác tội phạm.

Hoặc người phạm tội không nhận thức được hành vi của mình là phạm tội, thậm chí có trường hợp người phạm tội còn cho rằng việc giao cấu với người khác là phạm tội nhưng nếu đối với con ruột của mình thì không có tội và họ đã “ra tay” với con gái ruột của mình như vụ *Mông Văn Vinh*, sinh năm 1981, ngụ tại thôn Bù Tam, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, là người dân tộc thiểu số, chưa học hết tiểu học, không có nghề nghiệp ổn định, có thói quen uống rượu, vào ngày 29/12/2010, sau khi một mình uống hết 06 xị rượu Vinh đã thực hiện hành vi hiếp dâm con ruột của mình là *Mông Thị Tuyên* 10 tuổi (Bản án số 37/16.9.2011).

Kết quả điều tra xã hội học trên 100 người cho thấy: có đến 33% cho rằng nguyên nhân và điều kiện chủ yếu làm phát sinh tội hiếp dâm trẻ em là do sai lệch trong nhân cách cá nhân vì thỏa mãn dục vọng mà họ bất chấp pháp luật, đạo đức tập quán, thuần phong mỹ tục...; 36% cho rằng do trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật kém dẫn đến vi phạm pháp luật; 39% từ sự giáo dục không đúng phương pháp của gia đình và 36% nguyên nhân do thiếu sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục các em. (Bảng 2.13 phụ lục).

2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc về nhân thân người phạm tội

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội không chỉ có ý nghĩa trong việc quyết định biện pháp trách nhiệm hình sự phù hợp mà còn tạo cơ sở cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, đặc biệt là nhóm nguyên nhân và điều kiện từ phía người phạm tội.

Ngay từ khi sinh ra con người không mang sẵn trong mình những đặc điểm tiêu cực có khả năng sinh ra tội phạm mà trong mối quan hệ với môi trường sống từng con người đã được xã hội hóa cá nhân hình thành nên những đặc điểm nhân thân xấu, luôn tiềm tàng những nguy cơ phạm tội. Nhưng bản thân những đặc điểm nhân thân này cũng không tự nó sinh ra tội phạm mà đến lượt mình những đặc điểm nhân thân xấu tiếp tục tương tác với hoàn cảnh khách quan bên ngoài và khi điều kiện thuận lợi sẽ thúc đẩy cá nhân thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với tội hiếp dâm trẻ em thì nhân thân người phạm tội cần lưu ý một số đặc điểm như sau:

Về giới tính, đa số tội hiếp dâm trẻ em đều do nam giới thực hiện. Điều này xuất phát từ tâm sinh lý của nam giới. Chủ thể của tội hiếp dâm trẻ em được đánh giá là chủ thể đặc biệt, ngoài mô tả độ tuổi trong cấu thành tội phạm là yếu tố xác định tội danh thì giới tính cũng là một trong những dấu hiệu đặc trưng của loại tội xâm phạm tình dục. Bởi cho đến nay, lý luận cũng như thực tiễn vẫn đang thừa nhận cách giải thích về hành vi “giao cấu” theo Bản tổng kết 329/HS2 ngày 11/5/1967 của TANDTC là “sự cọ sát dương vật vào bộ phận sinh dục người phụ nữ...”

Quy định tại khoản 4 Điều 112 BLHS năm 1999 “mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em”. Cách hiểu này cho thấy rõ chủ thể của tội hiếp dâm trẻ em là nam giới thực hiện hành vi với trẻ em là nữ giới và trong một số trường hợp thì nữ giới phạm tội nhưng với vai trò đồng phạm là người xúi giục, người giúp sức hay tổ chức. Hiện nay, cách hiểu này dường như không còn là tuyệt đối nữa vì thực tiễn cho thấy trẻ em bị xâm hại tình dục không chỉ có trẻ em là nữ giới nữa mà còn có cả trẻ em là nam giới với độ tuổi dưới 13 tuổi. Tại điểm b khoản 1 Điều 142 BLHS năm 2015 quy định “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi”. Quy định này có thể hiểu chủ thể của tội hiếp dâm trẻ em có thể là nữ giới và quan hệ giữa những người đồng tính với nhau “... hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác...”. Nhưng nếu

chỉ truy cứu việc xâm hại bé trai theo quy định tại các điều luật: Giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS); Dâm ô với trẻ em (Điều 116 BLHS) thì chưa bảo vệ được hết khách thể bị xâm hại cũng như chưa thể hiện được hết tính nghiêm minh của pháp luật. Do vậy, việc phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em cần tập trung nam giới nhiều hơn.

Phân tích bảng 2.4, 2.6 và 2.7 phụ lục về độ tuổi, trình độ học vấn và nghề nghiệp cho thấy: chủ yếu bị cáo có độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi, có trình độ học vấn cấp 2 trở xuống và không nghề nghiệp, làm thuê, làm nông nghiệp. Từ đó, đưa ra phương pháp phòng ngừa cụ thể phù hợp, tập trung vào các đối tượng có độ tuổi từ 18 - 30 tuổi, có đặc điểm nhân thân như trên. Tuy nhiên đối với lứa tuổi dưới 18 cũng chiếm tỉ lệ ngang với lứa tuổi từ 18 - 30 (36,3%) do đó cũng cần có giải pháp thích hợp đối với nhóm tuổi chưa thành niên không có việc làm, thường xuyên tham gia các tệ nạn xã hội... để đạt kết quả phòng ngừa tốt nhất.

Về dân tộc, tôn giáo: Số bị cáo phạm tội hiếp dâm trẻ em chủ yếu là dân tộc Kinh, không theo tôn giáo, số bị cáo là dân tộc thiểu số và theo tôn giáo chiếm tỉ lệ nhỏ (02/77 người, chiếm tỉ lệ 2,59%). Do vậy, để phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em, chúng ta tập trung vào các đối tượng là dân tộc Kinh, không theo tôn giáo. Đồng thời, chú ý quan tâm một số đối tượng là dân tộc thiểu số, theo tôn giáo do họ thường sống từng sóc, bản, công việc hàng ngày làm nương, rẫy, làm thuê và nghề nghiệp không ổn định. Trình độ học vấn tương đối thấp, tình trạng thất nghiệp xảy ra thường xuyên, đời sống vật chất, tinh thần còn thiếu thốn nên một số bộ phận không nhỏ đi vào con đường phạm tội, đặc biệt là tội hiếp dâm trẻ em.

Về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: qua phân tích bảng số liệu 2.5 cho thấy số bị cáo phạm tội hiếp dâm trẻ em chủ yếu có hộ khẩu thường trú tại Bình Phước. Số bị cáo có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh khác hoặc sống lang thang chiếm tỉ lệ ít hơn. Mặc dù số bị cáo là người tỉnh khác và sống lang thang chiếm tỷ lệ 28,57% nhưng đây cũng là con số đáng kể và dự báo sẽ có chiều hướng gia tăng trong tương

lai. Do vậy, cơ quan quản lý nhân khẩu cần chú ý để làm tốt công tác quản lý các đối tượng này.

Về tiền án, tiền sự: Đa số tội phạm được thực hiện lần đầu.

Với sai lệch về ý thức cá nhân và đặc điểm nhân cách tiêu cực, chủ thể có những sai lệch nhất định trong quá trình động cơ hoá hành vi phạm tội, là quá trình tâm - sinh lý - xã hội trong đó chủ thể có được động lực thực hiện một hành vi phạm tội. Quá trình tâm - sinh lý - xã hội có cơ sở khách quan do điều kiện xã hội, do hoàn cảnh sống cụ thể của mỗi con người mang lại. Tham gia vào quá trình này có các yếu tố như: nhu cầu, lợi ích, xúc cảm, sở thích, thói quen...của cá nhân con người phạm tội hiếp dâm trẻ em. Những yếu tố tâm - sinh lý - xã hội này, bản thân chúng không phải là những động cơ phạm tội. Nhưng trong những điều kiện xã hội và hoàn cảnh sống cụ thể, đối với những người cụ thể nhất định, chúng đều có thể trở thành động lực thúc đẩy con người thực hiện hành vi phạm tội hiếp dâm trẻ em.

Kết luận Chương 2

Ở chương 2, tác giả đã làm rõ thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong giai đoạn từ 2011 – 2015, có thể thấy được những kết quả đạt được trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em đã góp phần bảo vệ an ninh – chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự và lợi ích hợp pháp khác của công dân. Bên cạnh những kết quả đó, công tác này cũng vẫn còn một số hạn chế, bất cập như: có những vụ án hiếp dâm trẻ em xảy ra nhưng hoạt động điều tra thu thập chứng cứ gặp khó khăn dẫn đến vụ án kéo dài ảnh hưởng xấu đến niềm tin của nhân dân, có vụ án do tính chất, mức độ nghiêm trọng gây hoang mang trong quần chúng và dư luận điển hình như vụ án Lê Bá Mai mà giới truyền thông gọi là “ kì án vườn mít”. Những tồn tại đó do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu là do lực lượng cán bộ làm công tác phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em chưa đáp ứng nhu cầu: thiếu về số lượng, một số cán bộ thiếu chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn; tính chất phức

tập trong phá án của loại án hiếp dâm trẻ em so với các loại án khác, cả yếu tố địa hình địa bàn Bình Phước có những nơi vắng người, rẫy, vườn cao su rậm ...nên tội phạm xảy ra nhưng lại không được phát hiện, xử lý kịp thờiảnh hưởng khó khăn cho công tác khám phá vụ án trong các giai đoạn sau...Tình trạng trên cho thấy, khi đánh giá về thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em cần phải quan tâm toàn diện đến tất cả các nguyên nhân và điều kiện, đặc biệt việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa phải dựa trên cơ sở ngăn chặn, hạn chế, khắc phục tương ứng từng nguyên nhân và điều kiện đó. Các giải pháp phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước sẽ được trình bày ở Chương 3

Chương 3

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI HIẾP DÂM TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trong phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Như đã phân tích ở Chương 2, hiện nay nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em ở các chủ thể khác nhau tham gia vào việc phòng ngừa tội phạm còn hạn chế. Vì lẽ đó, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp về tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở các chủ thể này như sau:

Tăng cường nhận thức của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh về nguyên nhân - điều kiện của tình hình tội phạm hiếp dâm trẻ em

Phải xác định việc đấu tranh phòng chống tội phạm là quan điểm của Đảng và nhà nước ta đã được thể hiện rõ tại Điều 4 BLHS 1999 và nhắc lại trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “các cơ quan tư pháp phải dựa vào nhân dân để hoạt động, đồng thời phải là lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp”. Các cơ quan này phải có sự phối hợp chặt chẽ với nhau. Sự phối hợp thiếu chặt chẽ đương nhiên sẽ dẫn đến hiệu quả thấp, thậm chí là oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh cần có chỉ đạo sâu sát hơn nữa đối với công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm, nhất là yêu cầu các cơ quan chức năng phải có trách nhiệm phát hiện và làm rõ các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm. Chỉ đạo toàn thể nhân dân trong tỉnh nâng cao trách nhiệm trong việc phối hợp với

cơ quan chức năng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, có ý thức tự cảnh giác, tự bảo vệ bản thân, tài sản... nhằm giảm những điều kiện làm phát sinh tội phạm mà do nguyên nhân lỗi từ phía nạn nhân.

Tăng cường nhận thức của cơ quan chuyên trách phòng ngừa về nguyên nhân - điều kiện của tình hình tội phạm hiếp dâm trẻ em

Cán bộ tư pháp phải nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, phải xác định đấu tranh phòng ngừa tội phạm là thể hiện ở nhiều phương diện, không chỉ chú trọng đến việc thu thập chứng cứ, chứng minh, điều tra tội phạm mà trong quá trình giải quyết vụ án các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán phải có trách nhiệm phát hiện và làm rõ các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm. Nhiệm vụ này là một trong các nội dung mới được bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2015, quy định tại Điều 6 phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội: “1. Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phát hiện nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục phòng ngừa.”

Điều luật còn quy định trách nhiệm của Cơ quan, tổ chức hữu quan phải thực hiện yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, kiến nghị, cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.”

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Tòa án các cấp tăng cường sự phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát và các cơ quan hữu quan khác để thu thập đầy đủ chứng cứ, hoàn thiện hồ sơ vụ án; thường xuyên trao đổi, thống nhất nhận thức về các quy định của pháp luật cũng như những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án, nhằm đảm bảo xét xử, giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em đúng pháp luật.

Cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật phải bản lĩnh sáng tạo, có tâm huyết và lòng dũng cảm, thật sự tài năng, trí tuệ. Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật (tích cực tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, tổng kết rút kinh nghiệm...), kịp thời cập nhật những thông tin, kiến thức pháp luật mới, những phương thức thủ đoạn mới của tội phạm, những nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội xâm phạm tình dục. Mỗi cơ quan tiến hành tố tụng cần xây dựng trong ngành mình chuyên đề bồi dưỡng chuyên sâu cũng như đề tài nghiên cứu khoa học về nguyên nhân và điều kiện của tội hiếp dâm trẻ em.

Thường xuyên tổ chức việc trao đổi, rút kinh nghiệm công tác xét xử, đặc biệt là kinh nghiệm xét xử, giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em trong toàn hệ thống Tòa án nhân dân.

Cùng với việc áp dụng các biện pháp theo luật định, đẩy nhanh tiến độ giải quyết án thì công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hiếp dâm trẻ em cần chú ý một số nội dung sau: khuyến khích, động viên nạn nhân và gia đình nạn nhân tích cực tham gia các hoạt động điều tra giám định, nhận dạng, đối chất...). Trong các vụ án hiếp dâm trẻ em, nạn nhân giữ vai trò quan trọng. Tuy nhiên, vì là những người chưa thành niên tâm lý, nhận thức chưa đầy đủ nên những nạn nhân thường rất sợ hãi, hoảng loạn khi bị hành vi phạm tội xâm hại. Vì vậy, cán bộ thụ lý vụ án cần phải có những hiểu biết sâu sắc về tâm, sinh lý của trẻ em để sử dụng các chiến thuật hợp lý, giúp nạn nhân vượt qua nỗi ám ảnh, sợ hãi, mặc cảm, để bình tĩnh trình bày những tình tiết phục vụ quá trình điều tra làm rõ vụ án.

Tăng cường nhận thức của gia đình, xã hội về nguyên nhân – điều kiện của tình hình tội phạm hiếp dâm trẻ em

Công tác tuyên truyền, giáo dục phải xác định rõ mục đích là trang bị tri thức pháp luật, văn hóa, bồi dưỡng tình cảm, tâm lý pháp luật, hình thành thói quen tuân thủ pháp luật, phát huy các truyền thống tốt đẹp của dân tộc, khơi dậy các giá trị

chuẩn mực pháp luật, đạo đức, lối sống làm cho quần chúng nhân dân phân biệt được mặt tốt, mặt xấu, phải trái để thống nhất nhận thức, từ đó lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực đạo đức xã hội, phê phán các lối sống không lành mạnh, truy lạc, phi đạo đức, trái pháp luật... Quá trình tiến hành biện pháp này cần tính đến từng đối tượng, địa bàn để có phương pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất và phải được tiến hành đồng bộ, sâu rộng và thường xuyên trong mọi tầng lớp nhân dân. Giáo dục phải dựa trên cơ sở lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn của đối tượng tiếp thu mới tạo được lối đi ngắn nhất vào nhận thức của mỗi cá nhân và họ có thể ứng dụng nó ngay trong hoàn cảnh thực tiễn của mình. Nội dung giáo dục không được trừu tượng, giáo điều mà cần cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện, gắn liền với điều kiện sinh hoạt, điều kiện làm việc, học tập của mỗi người. Ngoài ra, cần xây dựng tinh thần cảnh giác, bảo vệ lẫn nhau, tham gia giáo dục những người có quá khứ lỗi lầm, tạo công ăn việc làm giúp đỡ họ có điều kiện tiến bộ để tái hòa nhập cộng đồng. Mỗi người và mỗi gia đình phải đảm bảo nếp sống văn hóa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn mọi hành vi lưu hành, sử dụng các sản phẩm văn hóa có nội dung không lành mạnh, đồi trụy, mỗi người dân phải thấy được trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, dám mạnh dạn lên tiếng đấu tranh, lên án những hành vi xấu, hành vi vi phạm pháp luật và tích cực tham gia vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuyên truyền giáo dục trực tiếp để làm cho thanh thiếu niên hiểu biết về thủ đoạn, những hậu quả tác hại mà tội phạm hiếp dâm trẻ em gây ra.

Công tác tuyên truyền, giáo dục những nội dung như trên cho nhân dân là một hoạt động khó khăn và tốn kém nhưng thật sự là cần thiết và nếu được thực hiện tốt sẽ góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em.

3.2. Dự báo tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên cơ sở nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Dự báo tình hình tội phạm là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất của tình hình tội phạm có thể xảy ra trong tương lai, về các nguyên nhân và điều kiện, các khả năng phòng chống nó trong từng giai đoạn nhất định và việc đánh giá về chất và lượng của những thay đổi trong tình hình tội phạm; các nguyên nhân và điều kiện của nó [46, tr.178].

Mục đích của dự báo tình hình tội hiếp dâm trẻ em là nhằm để xác định phương hướng, biện pháp, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, đề ra kế hoạch, biện pháp chủ động tấn công tội phạm từ đó chúng ta sẽ có những biện pháp phòng ngừa tích cực, hạn chế được những hậu quả, thiệt hại xảy ra.

Do ảnh hưởng của tình hình quốc tế và kinh tế xã hội trong nước nói chung; kinh tế - xã hội ở Bình Phước nói riêng bên cạnh những mặt tích cực nảy sinh các mặt tiêu cực như: sự phân hóa giàu nghèo tăng, sự thất nghiệp, giá trị đạo đức. Vì đời sống khó khăn, một bộ phận các em nhỏ dễ bị những người phạm tội xâm hại. Chúng không từ bất kỳ hành vi và thủ đoạn nào để nhằm đạt được mục đích là thỏa mãn dục vọng thấp hèn. Chính vì vậy, hậu quả tác hại do chúng gây ra ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng không chỉ đến nhân phẩm, sức khỏe, danh dự của các em mà còn ảnh hưởng về đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Quá trình hội nhập, giao lưu quốc tế đã tạo điều kiện cho Việt Nam tham gia vào các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội ngoài những mặt tích cực thì những ảnh hưởng tiêu cực cũng tìm cách thâm nhập vào nước ta. Ảnh hưởng từ các sản phẩm văn hóa có nội dung xấu, đồi trụy về các tệ nạn xã hội ngày càng nhiều dưới mọi hình thức, mọi phương diện, len lỏi đến mọi gia đình và công dân.

Về mặt nhận thức, chúng ta chưa thấy hết sự phát triển nguy hiểm của tội hiếp dâm trẻ em trong đời sống xã hội. Lực lượng Công an các cấp, nhất là cấp cơ

sở có sự buông lỏng quản lý đối tượng địa bàn, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu nên chưa chủ động dự báo trước được những diễn biến phức tạp của tình hình tội hiếp dâm trẻ em. Bên cạnh đó, do tác động ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường, còn có một bộ phận công chức, trong các cơ quan nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật tha hóa, biến chất đã bị lôi kéo; quần chúng nhân dân thì thờ ơ, bỏ mặc, không tham gia tích cực vào công tác phòng, chống tội phạm. Người bị hại trong các vụ án hiếp dâm trẻ em do tuổi đời còn quá nhỏ chưa nhận thức được; nạn nhân và gia đình nạn nhân lại không muốn tố giác tội phạm hoặc muốn giữ kín. Do vậy, thực tế tội hiếp dâm trẻ em xảy ra nhiều nhưng không thể phát hiện và xử lý hết được. Trên cơ sở thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn Bình Phước, nghiên cứu trên 73 bản án hiếp dâm trẻ em, đồng thời căn cứ vào xu hướng phát triển của nền kinh tế - xã hội, có thể đưa ra một số nhận định về sự phát triển của tội hiếp dâm trẻ em trong thời gian tới như sau:

Xác định những vụ án hiếp dâm trẻ em đều để lại hậu quả rất nặng nề, người bị hại không chỉ bị tổn thương về thể chất mà còn luôn sống trong sợ hãi và sự ám ảnh; đồng thời người bị hại, đặc biệt là các em gái nhỏ tuổi rất khó hòa nhập lại với cộng đồng, không tiếp tục đến lớp học, sống biệt lập trong một thế giới riêng, thậm chí có em tử tự.

Do điều kiện địa hình của tỉnh có nhiều xã giáp biên giới, vùng sâu, vùng xa; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở Bình Phước không đồng đều giữa các huyện, thị xã cho nên loại tội phạm này chưa có chiều hướng giảm. Ở các ấp, sóc, bon, buôn... tội phạm này sẽ phát triển mạnh (xem bảng phụ lục 2.3 - tội phạm xảy ra ở huyện Bù Gia Mập chiếm tỉ lệ cao nhất 21,9%, tiếp theo là huyện Lộc Ninh (giáp biên giới). Là hai huyện thuộc vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Ở thị xã thì chủ yếu tập trung ở các xã xa trung tâm. Sở dĩ, tội hiếp dâm trẻ em lại có xu hướng phát triển mạnh ở các địa bàn trên vì trình độ dân trí còn rất thấp còn nhiều hủ tục, quan niệm cổ hủ, kiến thức pháp luật, hiểu biết về các quan hệ xã hội bị hạn chế, trẻ em thất học nhiều, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không có thời gian chăm sóc, giáo dục

con cái thường để các em ở nhà một mình; đường xá vắng người, chủ yếu là đường lô cao su, qua các vườn tiêu, điều rậm; một số em được học hành thì khi đi học ngang qua những đoạn đường này bọn tội phạm thường lợi dụng hoàn cảnh này để phạm tội. Điều này cho thấy, tuy tội hiếp dâm trẻ em khách thể trực tiếp là xâm hại đến nhân phẩm của các em nhưng do các em còn quá nhỏ, trí lực non nớt, thể lực yếu ớt. Do vậy, khi xâm hại đến nhân phẩm thì tội phạm cũng trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của các em, ảnh hưởng đến cuộc sống, tương lai của các em.

Như vậy, với các nhân tố xã hội nói trên cho thấy có nhiều khả năng tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước sẽ diễn biến phức tạp và tiếp tục gia tăng, có thể tăng mạnh hơn một số tội phạm khác, mức độ tác động sẽ nghiêm trọng hơn và độ ẩn của tội phạm sẽ cao hơn. Công tác phòng ngừa tội phạm này trong thời gian tới sẽ gặp nhiều khó khăn nếu các cơ quan chức năng không có biện pháp cương quyết, mạnh mẽ, hiệu quả trong việc ngăn chặn tội phạm này trong tương lai.

3.3. Giải pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em để phòng ngừa tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Công tác phòng ngừa, đấu tranh tội hiếp dâm trẻ em không thể tách rời các biện pháp phòng ngừa tội phạm chung của toàn xã hội bởi vì loại tội phạm này gắn liền với nhiều loại tội phạm khác nhau như giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích... và xuất phát từ các tệ nạn như cờ bạc, ma túy, mại dâm...Tuy nhiên đối với mỗi loại tội phạm đều có những động cơ, thủ đoạn, phương thức tác động riêng nên muốn phòng, chống có hiệu quả với từng nhóm tội, từng tội phạm cụ thể thì phải có những giải pháp phòng ngừa tương ứng.

Các biện pháp phòng ngừa tội phạm mặc dù do con người xây dựng và áp dụng nhưng nội dung, tính chất, mức độ, thời điểm, phạm vi và địa bàn áp dụng lại do yêu cầu mang tính khách quan. Vì vậy, yêu cầu khách quan là từng nơi, từng lúc

và từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể chỉ có thể áp dụng một số biện pháp thích hợp để mang lại hiệu quả phòng ngừa tình hình tội phạm.

Cần tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng ý thức sống lành mạnh, tiến bộ. Đây là một trong những biện pháp quan trọng nhằm ngăn chặn ngay từ trong tư tưởng của từng người dân ý thức phạm tội, loại trừ tận gốc nguyên nhân của hành vi phạm tội nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo vệ trẻ em bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục ý thức cảnh giác, phát hiện sớm, tự phòng ngừa các hoạt động xâm hại tình dục và hỗ trợ tư vấn pháp lý khi cần thiết là một biện pháp cần làm. Khi bị xâm hại tình dục, nạn nhân và gia đình phải trình báo ngay cho cơ quan Công an để được hỗ trợ tư vấn, giải quyết tránh để lọt tội phạm. Quan trọng nhất, gia đình cùng nhà trường cần giáo dục, trang bị kỹ năng sống cho các em; phổ biến những kiến thức về giới tính một cách khéo léo, lành mạnh; góp phần phòng chống việc lạm dụng tình dục trong cuộc sống.

Nâng cao năng lực và trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân người tham gia phòng, chống bạo lực tình dục các cấp. Theo đó, cần kiện toàn lại đội ngũ các cán bộ, cộng tác viên làm công tác truyền thông về dân số, gia đình và trẻ em tại cơ sở.

Như vậy, để thực hiện tốt công tác phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước thì phải thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp ngăn chặn và loại trừ loại tội phạm này.

3.3.1. Giải pháp khắc phục các hạn chế trong môi trường gia đình

Để tránh những sự việc đau lòng do tội phạm xâm hại tình dục gây nên, gia đình cần quản lý con cái chặt chẽ hơn, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm của người mẹ. Trong gia đình, người mẹ vừa là mẹ vừa là bạn với con gái, việc quan tâm, gần gũi, quản lý chặt chẽ của mẹ sẽ giúp tạo ra hàng rào bảo vệ con gái từ các cạm bẫy của tội phạm xâm hại tình dục. Thực tế hiện nay, nhiều cặp vợ chồng trước khi kết

hôn không được trang bị những kiến thức tối thiểu về đời sống hôn nhân và gia đình, đặc biệt là những kỹ năng chăm sóc và nuôi dạy con cái. Từ sự thiếu hụt các kỹ năng sống đã làm cho nhiều gia đình bị rạn nứt, mâu thuẫn, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, thiếu sự quan tâm chăm sóc nuôi dạy con cái hoặc quan tâm chăm sóc, giáo dục con cái một cách phản khoa học. Việc trang bị tốt những kiến thức, kỹ năng làm cha, làm mẹ để cha mẹ, gia đình thực sự là nền tảng giúp cá nhân phát triển và hoàn thiện nhân cách. Điều này cũng góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm hiếp dâm trẻ em nói riêng.

3.3.2. Giải pháp khắc phục các hạn chế trong môi trường nhà trường

Thời gian qua, môi trường nhà trường còn bộc lộ những hạn chế là nguyên nhân của tình hình tội phạm như đã phân tích ở Chương 2. Cần phải có các biện pháp khắc phục các yếu tố tiêu cực xuất phát từ nhà trường, đó là:

Để nâng cao tỷ lệ học sinh đến trường, hạn chế tình trạng bỏ học cần có chính sách khuyến khích, động viên các bậc phụ huynh cho con em đến trường và chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên nhất là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn.

Tiến hành cải cách, đổi mới nội dung giáo dục cho phù hợp với từng lứa tuổi, từng học sinh (học sinh cá biệt...), đó là giáo dục kiến thức khoa học với kiến thức xã hội, kiến thức pháp luật phải song song, học đi đôi với hành. Đổi mới phương thức dạy học nhằm cuốn hút học sinh say mê học tập, nâng cao vai trò chủ động, phát huy khả năng sáng tạo trong học tập của các em.

Đặc biệt, cần quan tâm giáo dục về pháp luật giới tính cũng như tuyên truyền kiến thức về tình yêu, tình dục lành mạnh cho trẻ em và người chưa thành niên. Nhà trường cần tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức đoàn thể thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên, người chưa thành niên; tuyên truyền về các thủ đoạn phạm tội hiếp dâm trẻ em

và các biện pháp phòng ngừa...thông qua các hình thức phù hợp như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, về giới tính, về các biện pháp phòng ngừa tội phạm (cách tự bảo vệ trong một số tình huống xấu...) và thường xuyên tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho các em.

Nhà trường cần có những biện pháp quản lý học sinh phù hợp với mỗi lứa tuổi, cấp học. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của thầy cô giáo bằng cách nêu gương tốt, xây dựng đội ngũ giáo viên vừa có tài vừa có tâm, yêu nghề, yêu trò. Giảm tải số lượng tiết học, môn học, học thêm... để các em có thời gian tham gia nhiều hơn vào các sân chơi lành mạnh, bổ ích thông qua các cuộc vui chơi các em không những hiểu thêm về kiến thức khoa học, xã hội mà còn nối kết tình đoàn kết, tình yêu thương, giúp đỡ bạn bè... hình thành tình cảm tốt đẹp ở các em.

Tăng cường sự phối hợp trong giáo dục giữa nhà trường và gia đình cần được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc mới nâng cao được hiệu quả giáo dục. Trong quá trình giảng dạy nhà trường và gia đình cần phải có sự gặp gỡ, trao đổi... để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và phát hiện những biểu hiện sai trái của học sinh, sinh viên ở trường, ở nhà để có biện pháp giáo dục kịp thời phù hợp và hiệu quả.

Cơ quan quản lý giáo dục phải nhìn nhận, đánh giá thực chất chất lượng giáo dục để có các biện pháp hữu hiệu, khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục mà hiện nay đang rất phổ biến.

3.3.3. Giải pháp khắc phục các hạn chế thuộc môi trường kinh tế - văn hóa - xã hội

Thực hiện tốt chính sách phát triển văn hóa, giáo dục, nâng cao trình độ dân trí đây là điều kiện tiên quyết trong phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em. Nó thuộc phạm vi trách nhiệm của các cấp chính quyền và cơ quan chức năng.

Cần có chính sách phát triển kinh tế hợp lý đối với từng lĩnh vực, ngành kinh tế để tạo việc làm. Cải cách thủ tục hành chính, khuyến khích đầu tư sản xuất, đặc biệt là đầu tư nước ngoài làm thay đổi dần cơ cấu phát triển kinh tế. Để giảm tỉ lệ thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước, các cấp chính quyền địa phương cần đẩy mạnh phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh như điều chỉnh hạn mức cho vay, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng với lãi suất hợp lý... Hỗ trợ để khuyến khích và thu hút nhân tài là con em của tỉnh đang theo học các khóa đào tạo trên mọi miền đất nước, giúp họ có cơ hội được cống hiến cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, đồng thời góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người dân địa phương, làm hạn chế tình trạng thất nghiệp là một trong những nguyên nhân phát sinh tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng.

Để thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, chính quyền địa phương cần có chính sách ưu đãi hơn với phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở miền núi đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Hiện nay, trong điều kiện tốc độ đô thị hóa ngày càng có nhiều lao động nông thôn ở Bình Phước không còn đất sản xuất, không có việc làm, họ cần được đào tạo nghề, cần có công việc phù hợp. Do vậy tỉnh cần có chính sách đẩy mạnh phát triển nông thôn, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao giá trị ngành dịch vụ trong nông nghiệp, phát triển sản xuất các mặt hàng nông sản đa dạng là thế mạnh của tỉnh (hồ tiêu, điều, cà phê) có khả năng cạnh tranh cao, tăng cường công nghiệp hóa nông thôn. Tổ chức tốt việc dạy nghề cho lứa tuổi thanh thiếu niên để họ có việc làm tại chỗ, tránh tình trạng lao động thuần nông bỏ nông thôn lên thành thị kiếm việc làm hoặc người dân nông thôn không có việc làm, dư thừa thời gian dễ phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm.

Đẩy mạnh phát triển các làng nghề truyền thống ở các địa phương trong tỉnh bằng các chính sách hỗ trợ, đầu tư vốn, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, xây dựng

thương hiệu sản phẩm làng nghề thủ công mỹ nghệ, tạo được công việc cho nhiều người.

Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những nơi tập trung các đối tượng liên quan đến tệ nạn xã hội chủ yếu ở các khu công nghiệp để kịp thời phát hiện và xử lý. Tạo ra môi trường lành mạnh, nhiều chương trình, sân chơi bổ ích, phong phú, đa dạng loại hình vui chơi, giải trí để thu hút người dân tham gia, từ đó sẽ tránh xa được các tệ nạn và hành vi phạm tội.

Tăng cường kiểm soát các trang web có nội dung không lành mạnh, các dịch vụ kinh doanh internet, trò chơi có tính bạo lực, có nội dung kích dục...Để việc quản lý và kiểm soát các vấn đề này được hiệu quả, góp phần hạn chế tệ nạn xã hội, giảm nguy cơ phát sinh tội hiếp dâm trẻ em thì cần phải có quy định cụ thể và chặt chẽ hơn đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ internet, gắn trách nhiệm của các cơ sở kinh doanh với việc ngăn chặn các trang web có nội dung độc hại, các trò chơi điện tử mang tính bạo lực, kích động, khiêu dâm...

3.3.4. Giải pháp khắc phục các hạn chế của pháp luật

Như đã phân tích ở Chương 2, thứ nhất, xác định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và độ tuổi của nạn nhân. Thực tiễn hiện nay cho thấy, loại tội phạm này ngày càng trẻ hóa đối tượng bị xâm hại tình dục và người phạm tội là trẻ chưa thành niên ngày càng gia tăng, trở thành vấn đề đáng báo động trong xã hội.

Việc xác định tuổi bị hại càng chính xác thì việc ấn định khung hình phạt cũng như việc lượng hình của Hội đồng xét xử sẽ chính xác và tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Thứ hai, TANDTC cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp hiếp dâm trẻ em mà người phạm tội để đạt được mục đích đã gây thương tích cho nạn nhân từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 104

BLHS. Thực tế, công tác truy tố, xét xử hiện nay, các Tòa án trong đó có TAND tỉnh Bình Phước đã không áp dụng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác(Điều 104) đối với người phạm tội, mặc dù thương tích của nạn nhân khá nghiêm trọng. Nếu như vậy, chúng ta sẽ bỏ lọt tội phạm. Hành vi cố ý gây thương tích cho trẻ em bị hãm hiếp đã đủ căn cứ cấu thành tội được quy định tại Điều 104 BLHS thì cần phải xử lý về hai tội: hiếp dâm trẻ em và cố ý gây thương tích, trừ trường hợp thương tích trên 30% thuộc tình tiết tăng nặng tại khoản 2, 3 Điều 104 BLHS.

Thứ ba, cần bổ sung thêm tình tiết “cố ý lây bệnh qua đường tình dục” vào khoản 2 Điều 112 BLHS, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 112 BLHS.

Thứ tư, về chủ thể của tội phạm, Điều 112 BLHS năm 1999 và Điều 142 BLHS năm 2015 không quy định chủ thể là nam hay là nữ mà quy định là “người nào”. Như vậy, chủ thể hiếp dâm trẻ em có thể là nam, cũng có thể là nữ. Nhưng trong thực tiễn công tác xét xử và từ khái niệm giao cấu thì người trực tiếp thực hiện hành vi phải là nam giới và chỉ khi nam giới thực hiện hành vi giao cấu với nữ giới (là trẻ em) thì mới có hành vi hiếp dâm trẻ em. Nữ giới chỉ tham gia vụ hiếp dâm trẻ em với vai trò đồng phạm (người tổ chức, xúi giục hay giúp sức). Trường hợp một người dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để quan hệ tình dục với trẻ em dưới 16 tuổi cùng giới tính (theo các hình thức quan hệ tình dục đồng tính nam hoặc quan hệ tình dục đồng tính nữ thường gặp) thì danh dự, nhân phẩm, đời sống tinh thần của nạn nhân cũng bị tổn thương không kém gì các nạn nhân trong hành vi hiếp dâm trẻ em. Nhưng theo quy định tại Điều 112 BLHS, hành vi quan hệ tình dục đó không phạm tội hiếp dâm trẻ em. Trường hợp này thường các cơ quan pháp luật chỉ xem là hành vi dâm ô với trẻ em.

Để phù hợp với thực tiễn xã hội hiện nay, tội hiếp dâm trẻ em của BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ

ràng hơn trong điều luật: chủ thể thực hiện tội phạm này có thể là người có giới tính nam hoặc giới tính nữ. Hoặc nếu vẫn giữ nguyên như quy định hiện hành thì cần phải có các hướng dẫn của TANDTC để việc giải quyết các vụ án mà chủ thể tội phạm (với vai trò là người thực hành) là nữ giới và nạn nhân là nam giới.

3.3.5. Các giải pháp khắc phục hạn chế trong hoạt động trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự an toàn xã hội và trong công tác xử lý tội phạm

Giải pháp khắc phục hạn chế trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Để khắc phục những hạn chế trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự xã hội, nhằm phòng ngừa tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, cần tăng cường quản lý hộ tịch, hộ khẩu: rà soát các quy định về quản lý đăng ký hộ khẩu, khai báo, đăng ký tạm trú, tạm vắng để cải cách thủ tục hành chính, giảm phiền hà, làm mất thời gian của nhân dân, công khai niêm yết các thủ tục để người dân biết, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đăng ký hộ khẩu, đổi mới công tác quản lý đăng ký hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng từ thủ công qua cách thức sử dụng công nghệ thông tin. Cần có biện pháp xử lý nghiêm cán bộ buông lỏng việc kiểm tra, quản lý nhân khẩu để nâng cao trách nhiệm của họ, quản lý chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra các khách sạn, nhà nghỉ, quán trọ vì đây là những nơi mà đối tượng phạm tội thường ẩn náu hoặc gây án.

Thứ hai, muốn thực hiện tốt công tác này, các cơ quan chức năng cần phối hợp chặt chẽ với nhân dân phát động phong trào tự bảo vệ an ninh trật tự, phong trào “toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” ở từng thôn, xóm, khu phố. Khuyến khích việc thành lập và hoạt động của đội xung kích, tổ dân phòng, phát động trong nhân dân phong trào phát hiện và tố giác tội phạm kịp thời nhất là ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số nơi ý thức pháp luật của người dân còn thấp.

Thứ ba, cần duy trì và đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát của lực lượng Cảnh sát trật tự và phối hợp với các lực lượng chức năng khác như dân phòng, tổ an ninh xung kích của Đoàn thanh niên... trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tiến hành tuần tra, kiểm soát thường xuyên, liên tục nhất là những khu vực địa bàn trọng điểm; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, gây rối trật tự xã hội, tạo sức mạnh răn đe, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự. Đặc biệt, cần kiểm tra ngay từ việc cấp phép hoạt động kinh doanh dịch vụ phải bảo đảm các điều kiện cần thiết về trật tự an toàn xã hội, quy định về thời gian hoạt động... Việc tuần tra kiểm soát là một đòi hỏi bức xúc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em. Nếu làm tốt công tác này, tội phạm sẽ bị loại trừ những điều kiện, thời cơ thuận lợi để thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, những trường hợp đang chuẩn bị phạm tội hoặc đã bắt tay vào việc thực hiện tội phạm có thể được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, tránh hoặc hạn chế những thiệt hại do loại tội phạm này gây ra.

Thứ tư, hiện nay một vấn đề bức xúc là hiện tượng nhiều huyện ở Bình Phước số trẻ em thất học cao, việc quản lý, giáo dục trẻ em chưa đến tuổi lao động còn lỏng lẻo, những người không có việc làm, lang thang, lêu lổng, các đối tượng nghiện hút, nghiện rượu, cờ bạc, các phần tử lưu manh, côn đồ... ngày càng nhiều. Vì vậy, các cấp chính quyền địa phương cùng các cơ quan chức năng cần nghiên cứu tìm ra các biện pháp theo dõi phù hợp để quản lý, giáo dục họ, không để bọn tội phạm lợi dụng, lừa gạt, dụ dỗ, lôi kéo các em vào hoạt động phạm tội. Cần có chính sách đào tạo nghề phù hợp, hỗ trợ về việc làm cho các đối tượng sau khi mãn hạn tù nay trở về với xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho họ hòa nhập cộng đồng để tránh tái phạm tội. Chỉ có thể quản lý an ninh, trật tự, tuần tra kiểm soát, quản lý xã hội, phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em được tốt khi các công tác trên được tiến hành liên tục, sâu rộng và lâu dài.

Giải pháp khắc phục hạn chế trong phát hiện và xử lý hành vi phạm tội hiếp dâm trẻ em

Từ những phân tích hạn chế trong phát hiện và xử lý tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng ở Chương 2 thì cần phải khắc phục những tồn tại như sau:

Trước tiên, cần sớm hoàn thiện chế độ thông tin, tiếp nhận tin báo tội phạm, xây dựng các kênh tố giác tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng trên địa bàn tỉnh như hòm thư tố giác tại các cơ quan, trường học, qua điện thoại, đường dây, tạo điều kiện và cơ chế tốt nhất để tiếp nhận mọi nguồn thông tin về tội phạm; cần nâng cao cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý thông tin về tội phạm; các lực lượng khẩn trương sử dụng các hoạt động nghiệp vụ phối hợp để xác minh kịp thời các tố giác, tin báo về tội phạm làm cơ sở cho việc khởi tố vụ án hình sự.

Bên cạnh đó, cần phải có cơ chế hữu hiệu bảo vệ bí mật thông tin của nạn nhân và gia đình nạn nhân. Phần lớn những người không muốn khai báo về hành vi hiếp dâm trẻ em đều có tâm lý lo ngại dư luận xã hội. Bên cạnh đó, tội phạm liên quan đến bạo lực tình dục xảy ra trong nội bộ gia đình nên việc phát hiện, tố giác và xử lý gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, một số quốc gia trên thế giới có các chương trình bảo vệ nạn nhân, theo đó nạn nhân của tội phạm không những được bảo vệ nghiêm ngặt mà còn được tạo điều kiện thay đổi họ tên, lựa chọn nơi cư trú phù hợp sau khi vụ án đã giải quyết xong nhằm tạo sự thuận lợi cho cuộc sống sau này của họ, tạo tâm lý yên tâm cho nạn nhân và gia đình trong việc tố giác tội phạm. Đây là kinh nghiệm rất đáng để chúng ta vận dụng phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của nước ta hiện nay.

Thái độ tích cực quan tâm, khích lệ động viên của cán bộ tiếp nhận thông tin, tiếp công dân cũng như việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; sự nhiệt tình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng sẽ tạo được lòng tin của nhân dân, từ đó nhân dân sẽ sẵn sàng hợp tác với Cơ quan điều tra để phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

Cần nâng cao chất lượng công tác điều tra ban đầu ở hiện trường bảo vệ tốt hiện trường các vụ án có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc chứng minh tội phạm trong các vụ án hiếp dâm trẻ em. Trong hoạt động điều tra đặc biệt chú ý các thông tin về mối quan hệ của những đối tượng nghi vấn với nạn nhân và gia đình nạn nhân để làm cơ sở cho hoạt động lấy lời khai người làm chứng, người liên quan.

Đối với tội hiếp dâm trẻ em, người bị hại là các cháu còn rất nhỏ (nhiều vụ án bị hại mới chỉ từ 4 đến 6 tuổi) nên chưa thể nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với bản thân mình. Do vậy, những thông tin về phía họ thì trong khi lấy lời khai, thu thập các thông tin từ người giám hộ có quan hệ ruột thịt với bị hại cần cân nhắc thận trọng, khách quan.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động thu thập chứng cứ, giám định... góp phần bảo đảm đánh giá vụ án một cách khách quan, toàn diện nhất.

Cần có bộ phận điều tra chuyên sâu về hành vi phạm tội hiếp dâm trẻ em trong tổ chức Cơ quan điều tra tội phạm xâm phạm trật tự xã hội. Thông qua đó để hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho Điều tra viên trong hoạt động điều tra các vụ hiếp dâm trẻ em để đáp ứng được với diễn biến phức tạp cũng như tính chất nghiêm trọng của loại tội phạm này.

Viện kiểm sát chủ động tổ chức các cuộc họp liên ngành giữa các cơ quan tiến hành tố tụng để phân tích đánh giá chứng cứ của vụ án đối với các vụ án phức tạp, đồng thời đánh giá, làm rõ thực trạng nguyên nhân làm phát sinh tình hình tội hiếp dâm trẻ em để có các biện pháp phòng ngừa thích hợp.

Những vụ án gây hậu quả nghiêm trọng, gây sự phẫn nộ lớn trong nhân dân càng cần thiết phải xử lý kịp thời, nghiêm minh, tránh những hiện tượng tiêu cực hay nương nhẹ để gây ra dư luận xấu trong nhân dân. Để làm được những điều này, cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật đủ về số lượng, giỏi về

ng nghiệp vụ, nhất là Thẩm phán phải có tâm huyết, thật sự tài năng, trí tuệ, bản lĩnh bảo vệ công lý. Đào tạo nghiệp vụ và xây dựng cơ chế xử lý đối với các hội thẩm nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm trong hoạt động xét xử của Hội thẩm nhân dân.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong việc tổng kết, đánh giá những nguyên nhân của tình hình tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng xảy ra trên địa bàn tỉnh, từ đó kiến nghị các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em một cách có hiệu quả.

Cần trang bị cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật hiện đại hơn nữa cho các cơ quan tiến hành tố tụng để phục vụ tốt hơn, hiệu quả hơn cho công tác điều tra tội phạm.

3.3.6. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật

Để nâng cao nhận thức pháp luật cho nhân dân phải tiến hành nhiều biện pháp, trong đó công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật đóng vai trò rất quan trọng. Do vậy, cần đẩy mạnh công tác này bằng các biện pháp như:

Thứ nhất, đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Chiến lược Quốc gia về bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015, và nội dung các văn bản pháp luật như: Luật hình sự, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới, Luật hôn nhân và gia đình, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về bạo lực tình dục và phòng, chống bạo lực tình dục, về tội hiếp dâm trẻ em. Sự giáo dục phải dựa trên cơ sở lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn của đối tượng tiếp thu mới tạo được lối đi ngắn nhất vào nhận thức của mỗi cá nhân và họ có thể ứng dụng nó ngay trong hoàn cảnh thực tiễn của mình.

Thứ hai, tuyên truyền giáo dục trực tiếp để làm cho thanh thiếu niên hiểu biết về thủ đoạn, những hậu quả tác hại mà tội phạm hiếp dâm trẻ em gây ra. Trên cơ sở đó làm cho nhân dân đề cao cảnh giác để phòng tội phạm có thể xảy ra.

Thứ ba, nâng cao năng lực và trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân người tham gia phòng, chống bạo lực tình dục các cấp. Theo đó, cần kiện toàn lại đội ngũ các cán bộ, cộng tác viên làm công tác truyền thông về dân số, gia đình và trẻ em tại cơ sở. Quy định cụ thể và nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể và đặc biệt cần quy định trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc và Miền núi theo hướng: Ủy ban Dân tộc và Miền núi có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp, các ban ngành liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hình sự, hôn nhân gia đình, pháp luật về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, pháp luật về bình đẳng giới và pháp luật về phòng chống xâm hại tình dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu và vùng xa.

Kết luận Chương 3

Trong Chương 3, tác giả đã trình bày các giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ những thực trạng đã phân tích ở Chương 2. Các biện pháp phòng ngừa rất đa dạng, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau như: Giải pháp khắc phục những hạn chế về kinh tế - văn hóa – xã hội là giải pháp chung cho hầu hết các tội phạm, tuy chỉ có tác động gián tiếp nhưng lại ảnh hưởng lớn về mọi mặt của đời sống xã hội trong đó hạn chế và loại trừ dần những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, giải pháp khắc phục những hạn chế từ gia đình, xuất phát từ yếu tố gia đình có tầm quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành nhân cách của mỗi cá nhân, ảnh hưởng đến tâm - sinh lý tiêu cực dẫn đến xử sự trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh tội phạm, giải tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật, đến mọi tầng lớp nhân dân. Đây là giải pháp rất quan trọng, có ý nghĩa lớn trong việc loại bỏ dần các nguyên nhân làm phát sinh tội phạm. Mỗi một chủ thể đều có vị trí, chức năng,

nhiệm vụ và nội dung hoạt động phòng ngừa khác nhau. Do vậy, cần có sự phối kết hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các chủ thể trong quá trình thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm nhằm đảm bảo cho các biện pháp phòng ngừa tội phạm được thực hiện một cách đồng bộ và đạt hiệu quả cao. Ưu tiên phát triển kinh tế ở vùng sâu, vùng xa, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao trình độ học vấn, kiến thức văn hóa trong nhân dân nhất là vùng dân tộc thiểu số. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong phát hiện, xử lý hành vi phạm tội hiếp dâm trẻ em.

KẾT LUẬN

Tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm qua diễn biến phức tạp, Với 73 vụ án hiếp dâm trẻ em trong 05 năm (2011 – 2015) chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số vụ phạm tội nhưng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội là rất lớn, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến nhân phẩm của các em, do các em còn quá nhỏ, trí lực non nớt, thể lực yếu ớt nên khi xâm phạm đến nhân phẩm thì tội phạm cũng trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của các em và làm ảnh hưởng đến những giá trị thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Với đặc thù của tội hiếp dâm trẻ em, người phạm tội chủ yếu là nam giới và đang ở trong độ tuổi thanh niên, có trình độ văn hóa thấp từ đó ảnh hưởng tới nhận thức các vấn đề xã hội của người phạm tội cũng thấp. Đa số người phạm tội là làm nông nghiệp, làm thuê, làm rẫy, không nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định có nhiều thời gian dư thừa. Họ sống trong môi trường thiếu hoàn thiện, bị tác động của môi trường văn hóa không lành mạnh, suy thoái đạo đức, bất chấp sự lên án của xã hội và sự trừng trị của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa mãn dục vọng thấp hèn của bản thân.

Tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước có nhiều nguyên nhân và điều kiện để nó phát sinh và tồn tại nhưng chủ yếu gồm: nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội, đó là mặt trái của nền kinh tế thị trường đã kéo theo những tiêu cực từ bên ngoài và tác động tới nhiều mặt của đời sống xã hội; việc giáo dục đạo đức, lối sống, pháp luật cho các cá nhân trong cộng đồng chưa được thực hiện tốt. Do đó còn tồn tại bộ phận người có lối sống tha hóa với những nhu cầu thấp hèn dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, đăng ký tạm trú, tạm vắng còn nhiều hạn chế và sơ hở mà bọn tội phạm có thể lợi dụng để phạm tội; hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng; chưa tạo được sức mạnh của toàn xã hội tham gia

vào công tác này; các cơ quan chức năng chưa phát huy hết hiệu quả hoạt động của mình.

Phòng ngừa tội hiếp dâm trẻ em phải được tiến hành đồng bộ với các biện pháp, giải pháp, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Trước hết, phải thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội để triệt tiêu nguồn gốc phát sinh tội phạm. Đồng thời phải thực hiện các chính sách văn hóa – xã hội, đặc biệt là chính sách giáo dục văn hóa đạo đức, các biện pháp chăm sóc và giáo dục con cái, giải quyết các tệ nạn xã hội đảm bảo an ninh an toàn xã hội.

Nghiên cứu các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em là vấn đề lý luận và thực tiễn rất khó khăn phức tạp, việc loại trừ các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm này càng khó khăn và phức tạp hơn nhiều. Để góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử người phạm tội hiếp dâm trẻ em phù hợp với nhu cầu thực tiễn hiện nay. Nhà nước ta cũng cần nhanh chóng đổi mới các hoạt động lý luận và thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm (cần có kế hoạch, mục tiêu “ phòng bệnh hơn chữa bệnh”).

Phòng ngừa tội phạm nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng sẽ ngày càng thu được nhiều kết quả tốt khi phát huy được sức mạnh của toàn xã hội với các giải pháp đồng bộ.

Kết quả của luận văn đạt được như trên là sự cố gắng, nỗ lực của bản thân tác giả, sự giúp đỡ nhiệt tình của các Thầy, Cô, các nhà khoa học và các bạn bè đồng nghiệp đặc biệt là sự tận tình của cô hướng dẫn khoa học. Tuy nhiên trong phạm vi luận văn, tác giả chưa giải quyết hết được những vấn đề liên quan đến nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em do điều kiện nghiên cứu và khả năng của bản thân. Quá trình thực hiện có những hạn chế, sai sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của quý thầy cô, anh, chị và các bạn để tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện trong quá trình công tác.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương - Bộ Chính trị (2002), Nghị quyết số 08/NQ/TW, ngày 02/01/2002 về *“Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*.
2. Ban chỉ đạo Chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, Đề án II *“Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm; tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật và trách nhiệm công dân về bảo vệ an ninh trật tự”*.
3. Ban chỉ đạo tập huấn chuyên sâu BLHS (2000), *Tài liệu Hội nghị tập huấn chuyên sâu BLHS năm 1999*.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
5. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
6. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về “Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*.
7. Chính phủ (2011), *Nghị định 80/2011/NĐ-CP Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*.
8. Công an tỉnh Bình Phước (2011 - 2015), *Báo cáo tổng kết “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” các năm 2011 - 2015*.
9. Công an tỉnh Bình Phước (2011 - 2015), *Báo cáo công tác quản lý nhân hộ khẩu các năm 2011 - 2015*.
10. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước (2010 - 2014), *Niên giám thống kê các năm 2010-2014*.

11. Nguyễn Hải Phong (2013), *Một số vấn đề về Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*. Nxb, Chính trị quốc gia.
12. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học BLHS các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người*, Tập I, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Quốc hội(1997), *BLHS nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia 1997, Hà Nội.
14. Quốc hội(2009), *BLHS nước CHXHCN Việt Nam(được sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Quốc hội (2013), *Bộ luật tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb. Lao động 2013, Hà Nội.
16. Quốc hội(2015), *BLHS nước CHXHCN Việt Nam*, Quốc Hội thông qua ngày 27/11/2015.
17. Quốc hội(2015), *BTTHS nước CHXHCN Việt Nam*, Quốc Hội thông qua ngày 27/11/2015.
18. Lê Hữu Thê - Đỗ Đức Dương (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*. Nxb, Chính trị quốc gia - sự thật.
19. Phạm Văn Tình (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí kiểm sát số 01, tr. 19.
20. Phạm Văn Tình (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội – Cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí kiểm sát số 03.

21. Phạm Văn Tĩnh (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
22. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Khái niệm tội phạm học và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 6/2007.
23. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 06.
24. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Tình trạng và cơ cấu cơ bản của tình hình tội phạm ở Việt Nam những năm qua*, bài viết cho hội thảo quốc tế tháng 11/2009 Việt Nam – Na Uy.
25. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 4/2009.
26. Phạm Văn Tĩnh (2012), *Tài liệu giảng dạy môn Tội phạm học*, Học viện khoa học xã hội.
27. Phạm Văn Tĩnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Công an nhân dân, Hà Nội.
28. Phạm Văn Tĩnh (2014), *Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 03.
29. Phạm Văn Tĩnh, Nguyễn Văn Cảnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Bộ công an - Học viện cảnh sát nhân dân.
30. Phạm Văn Tĩnh, Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
31. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2011 - 2015), *Báo cáo tổng kết công tác các năm 2011 - 2015*.

32. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2011 - 2015), *Bản án của các vụ án hiếp dâm trẻ em tại Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015*.

33. Tòa án nhân dân Tối cao(1989), Nghị quyết số 01/HĐTP/NQ ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán *hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của BLHS năm 1985*.

34. Tòa án nhân dân Tối cao (1996), *Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1996 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS*.

35. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân của tội phạm*, Tạp chí luật học Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

36. Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

37. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Tập bài giảng Luật hình sự Việt Nam (Phần Chung)*.

38. Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Trần Văn Độ, Trần Đình Nhã, Nguyễn Ngọc Hòa, Đặng Quang Phương, Ngô Ngọc Thủy, Phạm Văn Tinh (1994), *Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

39. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự số 23/2004/PL-UBTVQH11*.

40. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2011- 2015), *Báo cáo tình hình Kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước năm các năm 2011 - 2015*.

41. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (2011 - 2015), *Thống kê tội phạm hình sự từ năm 2011 đến năm 2015*.

42. Võ Khánh Vinh (1999), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Giáo dục.

43. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – Thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
44. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Công an nhân dân.
45. Võ Khánh Vinh (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Công an nhân dân .
46. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân.
47. Võ Khánh Vinh, Phạm Hồng Hải, Đào Trí Úc, Nguyễn Mạnh Kháng, Phạm Văn Tĩnh (2000), *Tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Thống kê số vụ và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2011	18	21
2012	13	14
2013	14	14
2014	14	14
2015	14	14
Tổng cộng	73	77
Trung bình	14	15

(Nguồn: Số liệu thống kê liên ngành tư pháp tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.2: Số vụ, số bị cáo phạm tội hiếp dâm trẻ em so với số vụ, số bị cáo phạm tội nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 -2015

Năm	Tội hiếp dâm trẻ em		Tội phạm chung		Tỷ lệ %	
	Số vụ (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ (3)	Số bị cáo (4)	(1)/(3)	(2)/(4)
2011	18	21	976	1.991	1,84	1,05
2012	13	14	1.082	2.338	1,20	0,59

2013	14	14	1.116	2.480	1,25	0,56
2014	14	14	1.060	2.103	1,32	0,66
2015	14	14	948	1.738	1.47	0.80
Tổng cộng	73	77	5.182	10.650	708	366

(Nguồn: Số liệu thống kê liên ngành tư pháp tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.3: Thống kê tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015 xét theo đơn vị hành chính huyện, thị xã.

Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2015	Tổng cộng	Tỷ lệ
Thị xã Đồng Xoài	1	0	1	0	2	4	5,47
Huyện Đồng Phú	3	3	0	3	1	10	13,69
Huyện Bù Đăng	0	1	2	0	0	3	4,10
Huyện Bù Gia Mập	4	2	4	4	2	16	21,91
Thị xã Phước Long	3	0	1	1	0	5	6,84
Huyện Bù Đốp	0	3	3	0	1	7	9,58

Huyện Lộc Ninh	2	2	2	4	4	14	19,17
Huyện Hớn Quản	4	1	1	0	1	7	9,58
Huyện Chơn Thành	1	1	0	2	2	6	8,21
Thị xã Bình Long	0	0	0	0	1	1	1,35

Bảng 2.4: Thống kê độ tuổi của người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

STT	Độ tuổi	Số bị cáo	Tỷ lệ %
1	Dưới 18 tuổi	28	36,3
2	Từ 18 – 30 tuổi	28	36,3
3	Từ 30 – 60 tuổi	19	24,6
4	Trên 60 tuổi	2	2,5
Tổng		77	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.5: Thống kê đặc điểm nơi cư trú của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

Năm	Tổng số	Người địa	Người ngoài
-----	---------	-----------	-------------

	bị cáo	phương	địa phương
2011	21	16	5
2012	14	10	4
2013	14	9	5
2014	14	11	3
2015	14	9	5
Tổng	77	55	22

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.6: Thống kê trình độ học vấn của người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

Năm	Mù chữ	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Cao đẳng, đại học	Cộng
2011	7	6	6	2	0	21
2012	2	6	5	1	0	14
2013	2	5	7	0	0	14
2014	1	7	6	0	0	14
2015	0	4	7	3	0	14

Tổng	12	28	31	6	0	77
-------------	-----------	-----------	-----------	----------	----------	-----------

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.7: Thống kê nghề nghiệp của người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015

Năm	Không nghề nghiệp	Nghề nghiệp không ổn định	Công nhân	Nông nghiệp	Cán bộ, công chức	Học sinh, sinh viên
2011	3	8	1	9	0	0
2012	1	4	0	9	0	0
2013	3	4	1	4	0	2
2014	2	5	3	3	0	1
2015	06	01	01	5	0	1
Tổng	15	22	6	30	0	4
Tỷ lệ %	19,4	28,57	7,7	38,9	0	5,1

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.8: Thống kê mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

Năm	Bị cáo	Quan hệ cha - con	Quan hệ anh - em	Quan hệ bạn bè	Quan hệ quen biết	Không quen biết
2011	21	2	1	3	15	0
2012	14	2	0	6	6	0

2013	14	3	0	5	5	1
2014	14	2	0	4	7	1
2015	14	2	0	6	5	1
Tổng	77	11	1	24	38	3
Tỷ lệ %	100%	14,28	1,29	31,16	49,35	3,89

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.9: Thống kê hình thức xử lý đối với người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

Năm	Bị cáo	Từ 3 năm đến 7 năm	Từ 7 đến 15 năm	Trên 15 năm
2011	21	4	13	4
2012	14	1	6	7
2013	14	7	3	4
2014	14	2	7	5
2015	14	1	13	
Tổng	77	15	42	20
Tỷ lệ %	100%	19,48	54,5	25,97

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.10: Thống kê độ tuổi của người bị hiếp hại trong các vụ án dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

STT	Độ tuổi	Số bị hại	Tỷ lệ %
1	Dưới 10 tuổi	23	31,5
12	Từ 10 – dưới 13 tuổi	42	57,5
3	Từ 13 – dưới 16	09	12,3
Tổng		74	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.11: Thống kê thời gian phạm tội trong các vụ án hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

STT	Thời gian	Số vụ	Tỷ lệ %
1	0h – 5h sáng	10	13,6
2	Từ 06 h – 08 h sáng	4	5,4
3	09h – 13 h trưa	25	34,2
4	14 h – 18h chiều	16	21,9
5	19h – 23 h tối	18	24,6
Tổng		73	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.12: Thống kê địa điểm gây án trong các vụ án hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015

STT	Địa điểm	Số vụ	Số bị cáo	Tỷ lệ %
1	Tại nhà bị can	21	21	28,7
2	Tại nhà bị hại	22	22	30,1
3	Nhà nghỉ, quán cafe...	12	12	16,4
4	Vườn, rẫy	18	22	24,6
Tổng		73	77	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.13: Thống kê kết quả điều tra xã hội học đối với nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 -2015

STT	Nguyên nhân	Người được khảo sát	Kết quả lựa chọn nguyên nhân	Tỷ lệ %
1	Trình độ học vấn của người phạm tội thấp, hiểu biết thấp	100	36	36%
2	Các hành vi tiêu cực của nạn nhân (uống	100	41	41%

	rượu, đi chơi khuya...)			
3	Gia đình văn hóa thấp (cãi nhau trước mặt con cái...)	100	39	39%
4	Thiếu sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường	100	100	36%